

## Listening script "The haunted house"

Nest is the church in the village of Sandford Oras there is an old gatehouse. If you go through the gate you arrive at the manor house which is famous for its large number of ghosts.

The present owner of the manor says that it is difficult to keep servants because the ghosts frighten them. Many people have seen the ghost of the previous owner. He was a farmer who committed suicide by hanging himself from the gatehouse, and he often appears in the garden wearing old working clothes.

Another ghost is an 18th century priest who used to kill visitors while they were asleep in their beds. He still sometimes frightens guests in the

middle of the night by standing over their beds holding a knife.

The ghost of a servant sometimes walks along the dark corridors of the house. He murdered his master at Sandford Oras, but nobody knows why.

But perhaps the most frightening story is of a young man who grew up in the house and then became a sailor. While he was at sea, he killed a boy, and then went mad. When he returned to Sandford Oras, they locked him in a room at the back of the house. He never left the room again, and died there several years later. On some nights when the moon is full, you can hear him screaming and banging on the door of the room.

## Tự thiết kế bài nghe

Bạn làm thế nào để phát triển bài khóa dưới đây thành một bài dạy nghe?

### Do we really need to sleep?



Sleep is a powerful influence on all our lives, and a 60-year-old person has spent almost twenty years asleep. However Ray Meddis, a scientist at the Sleep Research Unit at Loughborough University, has a fascinating new theory. He suggests that we don't really need to sleep at all. We sleep only because our brain is "programmed" to make us do so.

According to Dr Meddis, the "tiredness" we feel at the end of the day is produced by a chemical mechanism in the brain which makes us sleep. We are "programmed" to feel "tired" or "sleepy" at midnight, even if we have spent the day relaxing on the beach or doing nothing. Dr Meddis believes that the unpleasant symptoms we suffer when we don't sleep enough are not because we have not rested but because we have disobey our brain programming. If scientists could locate and "turn off" the sleep mechanism in our brain that produces tiredness, we could live completely normal and healthy lives without sleeping.



# ĐẠY KỸ NĂNG NÓI

## Học sinh ngại nói tiếng Anh (Learner Communication Apprehension)

Dù bạn dạy nói giỏi cỡ nào mà lớp học vẫn cứ lặng im, chỉ nghe âm thanh của tiếng gót giầy giám thị gõ lớp cộp ngoài hành lang, thì buổi dạy thất bại. Giáo viên cần phải biết nguyên nhân của việc học sinh ngại nói, sợ nói, hoặc... không thêm nói tiếng Anh trong lớp và có giải pháp thích hợp. Giáo viên không hiểu được sự im lặng của học trò thì sẽ chẳng bao giờ hiểu được những điều các em nói, như thế tương tác giữa giáo viên và học sinh sẽ trở nên bị động, lớp học sẽ trở nên nhàm chán và thấy, cô không thể đổ lỗi cho học sinh hay cho các thiết bị trong lớp được.

### Nguyên nhân

- Học sinh ngại nói tiếng Anh vì bộ máy phát âm không hoàn chỉnh, như nội ngưng, sứt môi, hở hàm ếch, viêm xoang mãn tính, viêm họng mãn tính.
- Học sinh bản tính trầm lặng ít nói.
- Học sinh sợ nói sai chúng bạn cười.
- Học sinh sợ nói sai ngữ pháp.
- Học sinh không đủ vốn từ.
- Giáo viên chỉ nói... tiếng Việt. Tình trạng này rất phổ biến. Điều này một phần là do khả năng nói tiếng Anh của giáo viên bị hạn chế, chỉ nói hai từ Hello và Goodbye còn lại nói tiếng Việt suốt. Giáo viên muốn tiết kiệm thời gian nên nói tiếng Việt cho tiện. Giáo viên cho rằng nói tiếng Việt học sinh dễ hiểu hơn. Thấy, cô chỉ nói tiếng Việt thì làm sao học sinh nói tiếng Anh được!
- Giáo viên chỉ hỏi những học sinh giỏi, không khuyến khích học sinh trung bình và yếu.
- Giáo viên quá nghiêm khắc khiến không khí lớp học ngột ngạt, khó thở.

- Thái độ của giáo viên khi đứng lớp làm học sinh ngại nói.
- Giáo viên giảng bài ào ào, không có thời gian cho học sinh nói.
- Giáo viên chỉ giảng ngữ pháp, dịch bài khóa, cho học sinh trả lời câu hỏi và làm bài tập. Phần nghe và nói hầu như không được nhắc đến.

Có nhiều nguyên nhân khiến học sinh ngại nói tiếng Anh trong lớp. Có thể chia thành 3 nhóm nguyên nhân: nguyên nhân về mặt tâm lý, nguyên nhân từ phía bản thân người học và nguyên nhân sư phạm. Một trong những lý giải chính cho tình trạng ngại nói của người học về mặt tâm lý và giáo dục là sự lo lắng. Một nguyên nhân tâm lý khác là thiếu động cơ, thiếu sự khuyến khích. Về phía người học, ngại nói có thể bắt nguồn từ sai sót về mặt ngôn ngữ, như phát âm sai, yếu ngữ pháp, không đủ từ vựng. Người học ngại nói thường là do sợ sai và sợ mất mặt trước bạn bè. Về mặt sư phạm, môi trường lớp học, phương pháp giảng dạy, thái độ của giáo viên là những yếu tố hình thành tình trạng ngại nói của học sinh. Cuối cùng, cơ chế dạy học và thi cử buộc giáo viên tập trung dạy ngữ pháp và đọc hiểu, giải bài tập luyện thi khiến cho người học có ít cơ hội để phát biểu.

(Nguyễn Mạnh Thảo, *Learner Communication Apprehension*, pp. 20, 21)

## Giải pháp

Để khuyến khích học sinh nói tiếng Anh trong lớp, điều cần thiết là:

- Hóa giải nỗi lo âu, sợ hãi và trăn trở nhân cách của người học.
- Giáo viên nên kết hợp những hoạt động hấp dẫn như làm việc theo cặp, làm việc nhóm, đóng vai, thi đua, trò chơi và ca hát để tạo mối tương tác tốt giữa giáo viên và học sinh.
- Giáo viên nên làm cho bầu không khí lớp học trở nên vui vẻ và thân thiện hơn để người học cảm thấy an toàn, thoải mái khi tham gia và thực hiện các hoạt động trong tiết học.
- Bài giảng phải rõ ràng, từ mới phải được đưa vào một cách tự nhiên và hợp lý.
- Người học gặp khó khăn về phát âm cần phải được đặc biệt giúp đỡ để họ có thể tự tin khi nói tiếng Anh.

Những giải pháp này sẽ hỗ trợ người học trong việc nói tiếng Anh cũng như tham gia vào các hoạt động khác của lớp học.

(Nguyễn Mạnh Thảo, *Learner Communication Apprehension*, p. 21)

## Cấu trúc của một bài dạy nói

Một bài dạy nói tốt gồm có ba phần:

1. **Dẫn nhập:** Trước khi bắt đầu bài dạy nói, giáo viên phải biết gợi ý cho học sinh nói, tức là giới thiệu đôi chút về chủ đề, cung cấp từ mới, thành ngữ, cấu trúc câu... có liên quan đến chủ đề. Ví dụ: Để dạy bài "Asking for direction", giáo viên hỏi học sinh sống ở đâu, đi học bằng phương tiện gì, đường từ nhà đến trường bao xa, chỉ đường cho giáo viên từ trường đến nhà học sinh... Sau đó giáo viên cung cấp từ mới về đường phố, ngã tư, giao lộ, bùng binh, tín hiệu giao thông, tên một số địa điểm. Kế tiếp, giáo viên cung cấp một số cấu trúc câu về hỏi đường như "Is there a post office near here? Go straight ahead, turn right, turn left...".
2. **Vận dụng ngôn ngữ trong giao tiếp:** Người học sử dụng từ mới, thành ngữ, cấu trúc câu vừa mới được giới thiệu để thực hành, luyện tập giao tiếp. Trước hết học sinh thực hành nói theo cấu trúc câu cho sẵn và biến đổi với những từ mới mà giáo viên cung cấp.

Ví dụ:

Giáo viên: bank

Lớp: Is there a bank near here?

Giáo viên: post office

Lớp: Is there a post office near here?

Giáo viên: bus stop

Học sinh 1: Is there a bus stop near here?

Giáo viên: bookstore

Học sinh 2: Is there a bookstore near here?

Phần thực hành này chuẩn bị cho người học những kỹ năng cần thiết để tham gia giao tiếp. Ví dụ: Giáo viên cho học sinh thực hành hỏi và chỉ đường với từ vựng và cấu trúc câu đã cho.

A Excuse me?

B Yes?

A Is there a post office near here?

B Yes, there is.

A Is it far?

B No, it isn't very far. First right, second left.





- A Thank you very much.  
B That's all right.

(Streamline English Departures, Unit 7)

3. **Sáng tạo:** Người học vận dụng từ mới, thành ngữ, cấu trúc câu đã học để giao tiếp tự do, sáng tạo ra những đoạn hội thoại mới. Ví dụ: Giáo viên cho học sinh thực hành giao tiếp tự do dưới hình thức làm việc theo cặp và làm việc nhóm. Học sinh hỏi và chỉ đường từ nhà đến trường / bưu điện / ngân hàng / nhà sách / rạp chiếu phim / nhà hàng.

## Phát triển hoạt động nói

- Luyện tập:** Giáo viên cho học sinh luyện tập hỏi và trả lời theo cấu trúc câu cho sẵn.

Ví dụ:

Học sinh 1: Which soup would you like?

Học sinh 2: Tomato soup.

Học sinh 1: Which wine would you like?

Học sinh 2: A bottle of red wine, please.

(Streamline English Departures, Unit 11)

- Giao tiếp thực tế:** Giáo viên yêu cầu học sinh sử dụng tiếng Anh để hoàn thành một công việc, chẳng hạn gọi điện thoại đến khách sạn để đặt phòng, đăng ký tour du lịch, nhận thông tin và chuyển lại cho giám đốc. Người học không thể học thuộc lòng từng cấu trúc câu cho trước mà phải ứng biến theo tình huống, phải hình dung câu chuyện, dự đoán nhiều cách đối đáp và luyện tập trả lời cho suôn sẻ.

## Hoạt động nói

Giáo viên có thể sử dụng các phương pháp sau đây để việc dạy nói đạt hiệu quả:

### 1. Tìm ý tưởng

Với một chủ đề cho trước, người học phải tìm các ý tưởng trong một khoảng thời gian nhất định. Đây là bước chuẩn bị để giúp học sinh suy nghĩ trước về từ vựng, ngữ pháp, thành ngữ mà họ có thể sử dụng ở hoạt động tiếp theo.

Ví dụ: Chia lớp làm 4 nhóm. Giáo viên đưa cho mỗi nhóm một tấm ảnh. Mỗi nhóm nhìn tấm ảnh và phát biểu hoặc nhận xét. Thư ký của mỗi nhóm sẽ ghi lại. Cuối cùng, đại diện của mỗi nhóm sẽ đọc nhận xét của nhóm mình. Mỗi nhóm cũng

có thể sáng tác một câu chuyện dựa trên tấm ảnh này. Câu chuyện gây cười ý nhị, hóm hỉnh càng tốt, vì nó tạo không khí vui vẻ cho lớp học.

### 2. Điền vào chỗ trống

- Học sinh làm việc theo cặp.  
 Một học sinh có thông tin mà bạn cùng cặp không có, hai người chia sẻ thông tin với nhau.  
 Mục đích là để thu thập thông tin điền vào biểu đồ, thời gian biểu, bài khóa, bài thơ, câu chuyện, bức tranh, ca khúc...

### 3. Xếp hình

- Mỗi học sinh có vài mảnh ghép của trò chơi xếp hình và hợp tác với bạn của mình để điền vào một bức tranh tổng thể.  
 Những mảnh ghép có thể là mảnh ghép của một bức tranh hoạt hình, ảnh chụp, những câu lấy từ bài khóa, những từ của một khổ thơ, chi tiết của một câu chuyện, một đoạn băng, một ca khúc...  
 Người học phải bàn bạc với nhau để tìm ra một trình tự sắp xếp thích hợp nhất.





#### 4. Đóng vai

Đóng vai là hoạt động rất vui trong giảng dạy tiếng Anh mà hầu hết học sinh đều ưa thích. Hoạt động này giúp người học giao tiếp tốt và phát triển trí tưởng tượng và sáng tạo. Trước hết, giáo viên phải giải thích tình huống, giới thiệu nhân vật. Giáo viên cũng có thể cung cấp một số thuật ngữ và cấu trúc câu để người học có thể kết hợp vào lời thoại của mình.

Giáo viên phân vai cho học sinh. Mỗi học sinh một tấm thẻ (role card) mô tả nhân vật hoặc vai diễn. Trong thẻ giáo viên ghi từ ngữ, cấu trúc câu hoặc một số cách diễn đạt.

Ví dụ: "Teenage Dilemmas"

- Son / Daughter: You're going to ask one of your parents if you can go on holiday with your friends. You really want to go but you think your parent is going to say no. Explain why s/he should let you go. Try not to get angry or upset with your parent, but continue trying to persuade him/her.
- Parent: Your 17 year-old son / daughter is going to ask if s/he can go on holiday without you. You love your child and want the best for him/her, but you don't think s/he should go. Listen to what s/he says, but explain your reasons too.

#### 5. Mô phỏng

Mô phỏng rất giống như đóng vai, nhưng tinh tế hơn.

Trong mô phỏng, người học có thể mang vật dụng tới lớp để làm cho môi trường thực tế hơn. Ví dụ: Nếu học sinh đóng vai ca sĩ thì có thể mang theo micro, đàn, trống...

#### 6. Giải quyết vấn đề

Giáo viên đưa ra một loạt hành động cho học sinh lựa chọn. Người học phải quyết định lựa chọn và loại bỏ động tác nào và giải thích việc lựa chọn đó. Ví dụ: Sau đây là các hành động trong một buổi phỏng vấn xin việc làm. Học sinh làm việc trong nhóm và quyết định phải lựa chọn hành động nào và loại bỏ động tác nào để buổi phỏng vấn thành công. Sau đó mỗi nhóm sẽ so sánh kết quả của nhóm mình với các nhóm khác.

arrive early, bring resume, shake hands, chew gum, speak only when asked questions, bring salary history, bring letters of recommendation, look employers in the eye, ask your own questions, memorize answer to tough questions, etc.

#### 7. Thảo luận theo nhóm

Activity 1: Giáo viên chia lớp thành từng nhóm 3 học sinh. Mỗi nhóm sẽ được phát những tấm thẻ mang hình: swimming, singing, dancing, drinking, jogging, playing video games, surfing the Internet.

Mỗi học sinh lần lượt bốc một tấm thẻ và nói "I like/don't like..." và học sinh trong nhóm sẽ hỏi "Why/why not?".

Activity 2: Giáo viên chuẩn bị những tấm thẻ mang những cụm từ (nếu có hình càng tốt): operating a sewing machine, repairing a car, operating a cash register, operating a lawn mower, install plumbing, changing a diaper, play a musical instrument, grow vegetables, riding a motorbike, fixing a broken lamp, milking a cow, singing a foreign song, etc.

Mỗi một học sinh bốc một tấm thẻ và hỏi người trong nhóm "Can you \_\_\_?". Nếu câu trả lời là Yes thì người trong nhóm hỏi tiếp "How did you learn to do that?" Một học sinh sẽ ghi lại tất cả câu trả lời và trình bày trước lớp.

#### 8. Thảo luận về chủ đề gây tranh cãi

Giáo viên đưa ra một số chủ đề cho học sinh thảo luận trong nhóm. Mỗi thành viên phải phát biểu để bảo vệ quan điểm của mình.

- Children should be paid for doing work around the house. At what age should children be allowed to go out on a date? Do you think it is easier to be a father or a mother? etc.
- Should couples live together before they get married?
- Do you think television news programs don't just report the news - they create it?
- Do you think people spend too much time thinking about what they wear and how they look?
- Should children use smart phones?
- Do you feel that the popularity of the English language is a danger to other languages?
- Do most of us spend too much time worrying about the future and not enough time enjoying the present?

#### 9. Kể chuyện hoặc tóm tắt một vở kịch

Kể chuyện là một hoạt động giúp người học phát triển tư duy sáng tạo, tự tin nói trước đám đông. Học sinh tóm tắt một câu chuyện, một vở kịch hoặc nghĩ ra một câu chuyện và kể trước lớp.

Một hình thức kể chuyện sáng tạo khác là giáo viên bắt đầu kể chuyện và học sinh tiếp tục ở chỗ giáo viên dừng lại.



## 10. Phỏng vấn

- Học sinh học phỏng vấn các bạn cùng lớp để tìm ra nguyên nhân hoặc những mặt thuận lợi / bất lợi của một vấn đề. Người học tự đặt câu hỏi và phỏng vấn mọi người trong lớp trong một khoảng thời gian do giáo viên quy định. Ví dụ: Học sinh phỏng vấn các bạn để tìm ra nguyên nhân bạn ngại nói tiếng Anh trong lớp hoặc những thuận lợi / bất lợi của việc sử dụng facebook... Câu hỏi phải mang tính thăm dò và gợi trí tưởng tượng, chẳng hạn: "Why can't you speak English in class? What are the advantages and disadvantages of using smart phones? Do you use facebook? What do you use facebook for?" etc.
- Người học nên làm bằng câu hỏi hoặc ghi chú câu trả lời và thu thập thông tin. Cuối cùng, học sinh có 2 phút để trình bày trước lớp.
- Hoạt động này vui, sinh động nhưng dễ gây mất trật tự nếu giáo viên không kiểm soát lớp tốt.

Ví dụ: Alibi

- Ask your students if they have heard that the \_\_\_ down the street was robbed last night. The suspects are here in this class, and they are (choose two or three of the most talkative students and have them come to the front).
- These students have five minutes to leave the room and come up with a story about what they were doing for the two - hour time period in question the night before.
- The other students are the police, and their task is to work in small groups and question the suspects individually to see if their stories match. The suspects cannot say "I don't know" or "I don't remember"; if the police ask something, they have to answer. If the suspects' stories match - there are no discrepancies (không có sự khác biệt) - they must be found not guilty and set free. But if there are differences, they are guilty.
- After the five minutes during which the suspects are making up their story and the police are thinking of questions, each group of police interviews one of the suspects - at the same time. They have exactly five minutes, and after that the suspects switch groups and the police interview again. One person should take notes. At the end, the police share with the class what they found.

## 11. Thuyết trình

- Người học được yêu cầu đọc một tờ báo hoặc tạp chí và trình bày trước nhóm tin tức nào mình thấy hấp dẫn nhất.
- Mỗi nhóm trình bày trước lớp một chủ đề và điều khiển bạn cùng lớp thảo luận về chủ đề đã chuẩn bị.

- Nhóm được chấm điểm dựa trên kỹ năng thuyết trình và khả năng điều khiển các bạn thảo luận bằng tiếng Anh.

## 12. Làm bài tập lớn theo nhóm trong một học kỳ

- Mỗi nhóm viết kịch bản, đóng vai và làm video clip. Nhóm sẽ thảo luận để chọn đề tài, nhân vật, phân vai, màn, cảnh, lời thoại.
- Giáo viên xem video clip và ghi nhận những kỹ năng ngôn ngữ học sinh sử dụng, các khía cạnh của việc học ngoại ngữ ngoài việc học từ vựng và các quy tắc ngữ pháp.

## 13. Thảo luận theo hai vòng tròn

- Giáo viên đưa ra một đề tài thảo luận. Ví dụ: *What are the advantages and disadvantages of using smart phones?*
- Giáo viên chia lớp thành nhiều nhóm, mỗi nhóm cử một đại diện để thảo luận.
- Học sinh thảo luận trong nhóm trước.
- Giáo viên chia lớp thành hai vòng tròn, vòng tròn lớn và vòng tròn nhỏ. Vòng tròn nhỏ gồm đại diện của mỗi nhóm. Vòng tròn lớn gồm các em còn lại.
- Đại diện các nhóm trong vòng tròn nhỏ thảo luận, các em ở vòng tròn lớn quan sát và ghi chú. Các em ở vòng ngoài cũng có thể tham gia thảo luận.
- Cuối cùng, giáo viên tổng kết buổi thảo luận và nhận xét.

## 14. Trò chơi

- Giáo viên có thể tìm trò chơi trong những cuốn sách dạy tiếng Anh bằng trò chơi hoặc các bài viết về sử dụng trò chơi trong việc dạy từ vựng / ngữ pháp / nghe / nói / đọc / viết trên internet. Sau đây là vài ví dụ:

### • Hot seat

Chia lớp thành hai nhóm, mỗi nhóm cử một đại diện ra trước lớp. Đại diện mỗi nhóm ngồi trên ghế quay lưng về phía bảng.

Bạn viết một từ sau mỗi đại diện nhóm, sau đó mỗi nhóm phải giải thích hoặc định nghĩa từ đó để người đại diện có thể đoán được.

### • Hide a Word

Mỗi nhóm được phát một tờ giấy có ghi một chủ đề thông thường (weather, movies, K-pop, facebook, selfie...). Đại diện mỗi nhóm sẽ sang ngồi ở nhóm bạn, cầm tờ giấy của nhóm mình lên và nói ngay về chủ đề ghi trên giấy trong 1 phút mà không được nhắc đến chủ đề. Nếu nhóm bạn đoán đúng chủ đề, nhóm đó sẽ ghi 1 điểm, nếu không nhóm kia sẽ được 1 điểm.

## Dạy giao tiếp hiệu quả

Một giáo viên có bản lĩnh luôn hỏi mình 5 câu sau đây khi dạy nói:

### 1. Do I motivate my students?

How do I get learners to be emotionally involved in the discussion? (making content amusing, giving the discussion a humorous twist, building some degree of controversy, creating time constraint, restricting what learners can and cannot say, creating a sense of competition so they have to make quick decisions, etc.)

### 2. Do I get my students to process information?

How do I invite learners to exchange factual information, explanations, opinions, feelings, and attitudes?

### 3. Do I care about conversation strategies, roles and purposes?

What are some interaction strategies to be taught in the lesson? (agreeing, disagreeing, explaining, persuading, turning taking, expressing attitudes, etc.)

What roles do I want learners to play? (if they act as characters other than themselves)

What reason do I give learners to communicate? (making personal judgment, expressing preferences such as attitudes and beliefs, discovering missing information, seeking a solution, entering a conflict, etc.)

### 4. Do my students practice new language?

What language should I teach to make the use of interaction strategies more effective?

Should I teach learners some fixed conversational phrases? How do you help learners internalize such language?

### 5. Do I make the lesson personal enough for my students?

How do I organize for learners to express their own thinking in the discussion?

How do I allow learners to express what they prefer in the discussion?

How do I enable learners to relate the lesson content to their own situation?

## Một số hoạt động để tham khảo

### Activity 1 - Controversial topics

Topics that disturb or inspire students will tend to involve them emotionally and make them speak.

In groups study these provocative statements (khiêu khích) and decide your position. Everyone must come up with 3 statements to support your view.

- Should couples live together before they get married?
- Should students be punished for not doing homework?
- Should children use facebook?
- Should children use smart phones?

These are just a few examples. The teacher can create other topics based on students' age and interest.

### Activity 1 - Jigsaw conversation



Cut the image below into 6 pieces, each contains one frame (one small picture).

Divide class into 6 groups (name them group 1, 2, 3, 4, 5 and 6; each person must remember his/her number: if someone is from group 1, his number is 1). Give each group only one picture (this means you will need to print each small picture in multiple copies)

The group then work together to discuss the picture and try to memorize it.

The teacher then takes back the pictures from all the groups.

Now ask the class to form 6 new groups, each of which contain different members who are of different numbers. In other words, each group must have member number 1, member number 2, to member number 6. It is alright if there are two students of the same number.

Each member of a group now has memory of a small picture, so he / she describe it to the group. The whole group will find ways to construct the story based on the contribution of all the members.



The group who works out the story first will have the right to come up to the front of the class and tell the story for a reward from the teacher.



Truyện và tranh vẽ: Bảo Đạt



## DAY KỸ NĂNG ĐỌC

### Day đọc theo hướng thụ động

Đây là phương pháp dạy đọc phổ biến nhất, đặc biệt là đối với giáo viên phổ thông và giáo viên dạy luyện thi. Trong phương pháp này, giáo viên đọc mẫu hoặc cho học sinh nghe CD hoặc chẳng đọc gì cả. Sau đó là phần giới thiệu từ mới, giảng bài khóa hoặc đọc - dịch. Học sinh cầm cúi nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi, và làm bài tập trong sách giáo khoa.

- Đây là phương pháp dạy thụ động. Tương tác giáo viên - học sinh là một chiều. Người học thụ động tiếp thu kiến thức, không có giao tiếp, không tham gia vào các hoạt động của bài giảng.
- Thuận lợi của phương pháp này là tiết kiệm thời gian, dễ nghe, dễ hiểu (vì giáo viên giảng bài bằng tiếng Việt), thích hợp với các lớp luyện thi tiếng Anh tăng cường, thi vào lớp 6, lớp 10, thi tốt nghiệp THPT và thi đại học.

### Day đọc theo hướng tích cực

- Trong phương pháp này, tương tác giữa giáo viên và học sinh là đa chiều: Giáo viên  $\longleftrightarrow$  Học sinh, Học sinh  $\longleftrightarrow$  Học sinh.
- Học sinh tham gia tích cực các hoạt động của bài giảng.
- Giáo viên có thể kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy.
- Không khí lớp học trở nên vui tươi, sinh động.
- Học sinh tiếp thu tốt và vận dụng kiến thức vừa học trong giao tiếp.

### Day đọc mở rộng và đọc chuyên sâu

Theo Harmer (2012, p. 283), để việc học đọc đạt hiệu quả tối đa, người học cần tham gia cả hai hoạt động đọc mở rộng và đọc chuyên sâu. Đối với việc đọc mở rộng, giáo viên khuyến khích học sinh tự tìm tài liệu đọc để có được niềm vui trong học

tập và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ. Đối với việc đọc chuyên sâu, bài đọc thường do giáo viên chọn và hướng dẫn. Bài đọc được thiết kế để người học phát triển kỹ năng tiếp thu, như đọc để lấy ý chính, đọc để lấy thông tin cụ thể, đọc hiểu chi tiết hoặc đọc để suy luận và bày tỏ thái độ.

## Những trở ngại khi học đọc

- Người học không có đủ kiến thức liên quan đến bài đọc.
- Người học không được chuẩn bị trước.
- Người học không có đủ vốn từ và thành ngữ.
- Người học không hiểu một số cấu trúc câu.
- Người học yếu ngữ pháp.

## Chọn bài khóa để dạy

Do mỗi bài học trong sách giáo khoa hay trong chương trình đào tạo được quy định thời gian, giáo viên thường không có đủ thời gian để dạy bài khóa theo lựa chọn của mình mà dạy các bài khóa đã được biên soạn sẵn trong sách giáo khoa hoặc tài liệu giảng dạy của trung tâm ngoại ngữ. Tuy nhiên, nếu phải chọn bài khóa để dạy, bạn có thể tham khảo các tiêu chí sau đây:

- Chọn bài khóa mà người học có đôi chút hiểu biết về chủ đề để có thể tương tác với giáo viên và bạn cùng lớp trong suốt buổi học.
- Bài khóa có nội dung hấp dẫn, thú vị.
- Đơn giản hóa bài khóa nếu như nó quá khó đối với người học.
- Thiết kế những hoạt động và bài tập phù hợp.

Nên nhớ rằng, để dạy đọc hay thì trước tiên phải chọn bài đọc hay, có nội dung hấp dẫn. Một bài đọc đã hay sẵn rồi thì dạy bình thường cũng có thể có hiệu quả. Ngược lại, chọn một bài đọc tầm thường thì cho dù giáo viên dạy hay cỡ nào chăng nữa, buổi học cũng nhạt nhẽo. Đây là bí quyết quan trọng số một trong việc dạy đọc mà ít có giáo viên nào để ý.

## Ba giai đoạn dạy một bài đọc

### 1. Trước khi đọc

Mục đích của phần "trước khi đọc" là kích thích trí tưởng tượng, sự tò mò, hấp dẫn người đọc về chủ đề của bài khóa. Giáo viên có thể đặt câu hỏi, kể chuyện, cho học sinh đoán nội dung của bài khóa qua tựa bài, sử dụng hình ảnh, âm thanh, video clip, âm nhạc... nhằm chuẩn bị cho học sinh đọc bài khóa.

Vi dụ:

*Look at these pictures. Can you guess what the text is going to be about?*



Read these quotes to see how you agree / disagree:

- A woman is incomplete before she is married. Then she is finished.  
- Zsa Zsa Gabor -
- A wife is a woman who sticks with her husband through all the troubles he wouldn't have had if he hadn't married her.  
- Anonymous man -
- Men, we can't live with them, and we can't live without them.  
- Anonymous woman -

*Now read the text on the next page and fill in the gaps.*



## The Bluffer's Guide to Men and Women

### Approval

(1) **Men** are seekers for approval. They want to feel that (2) **women** have noticed them and need them. Best of all would be if (3) **women** admired them. They would do like it if they treated them, but that would probably be asking too much.

### Conversation

The average (4) **man** uses 10,000 words a day in speech; the average (5) **woman** only 6,000. Conversation is especially economical, often reduced to grunts and utterances of one syllable. Telephone calls are for the transmission of essential information, not for gossiping or the exchange of confidences. For (6) **men**, all information is essential. But what were you talking about? A business (7) **man** may ask a (8) **woman** who has just spent two hours on the phone for someone they saw only that morning.



### A Good Cry

Although it is normally officially acceptable - even desirable - for (9) **men** to cry, they will never be a match for (10) **women**. They will never understand how (11) **women** can, in the right circumstances, claim to enjoy 'a good cry'. Men make (12) **women** very uncomfortable, because they feel something is expected of them, but they don't know what.

### Nagging

It is important to remember that a (13) **woman** does not nag, but reminds. This point cannot be made too often. (14) **Men** are simply being made aware of the fact that they have not done what they said they were going to do, and therefore need to be prompted regularly, otherwise it won't get done.

### Housework

Three days (15) **men** can and do cook, wash and vacuum, and have even been known to clean the bath. But surveys show that (16) **women** still spend four or five times as long on domestic chores as their helpful spouses. The fact is that (17) **men** can tolerate a greater degree of grime and disorder before they even notice it. They have the advantage of being their own boss - they approach the state of the house rather like the Three Wise Men: 'see no evil, feel no evil, speak no evil.'



### Friendship

Friendship is extremely important to (18) **women**. (19) **Men** want friends to play with for exercise in sports games, or to people with whom to watch the Cup Final; whereas (20) **women** want friends to talk to. They have friends for no way (21) **men** have hidden.

### Cult

(22) **Men** feel guilty about everything, all the time. They feel guilty about their weight, their appearance, their career, their mothering skills, the children of their women. Above all, they feel guilty about not being perfect. They read articles in glossy magazines about 'having it all' then they read about the folly of sacrificing quality of life and peace of mind to Superwoman status, and feel conscience-stricken about that too.

### Commitment

(23) **Men** find it hard to control themselves in a relationship. Getting them to do so is the getting hold of a nap in the bath. For (24) **women** the very idea of commitment is uncomfortable. To commit - after all, the same verb is used for suicide or being sent to an asylum. They harbour the distinct fear that marriage will change them. (25) **Men** only hope that it will.

### Shopping

The majority of (26) **women** dislike shopping. It not only means spending money, but making snap decisions. They like window-shopping first, studying advertisements and comparing prices before going out and buying a car, a house or an international corporation. The purchase of a lettuce, cat food or an ice-cream does not excite them. A large waste of time, as far as (27) **men** are concerned, is window-shopping. This they do not understand at all. The joy of staring at goods which cannot be bought because the shop is closed, is quite beyond their comprehension.

Sau đây là một số phương pháp giáo viên có thể sử dụng trong phần "trước khi đọc":

### a. Đặt câu hỏi

Ví dụ:

Để dạy bài "Blind Date" (*American Headway 2, Unit 1, pp. 6, 7*), giáo viên hỏi cùng hoàng đạo của học sinh là gì - Bạch Dương, Kim Ngưu hay Bảo Bình... cùng nào phổ biến nhất, những người cùng cung hoàng đạo có hợp với nhau không.

(What's your star sign? Find out all the star signs in the class. Which is the most common? Do you think people who have the same star signs get along better?)

## SIGNS OF THE ZODIAC



Aquarius



Pisces



Aries



Taurus



Gemini



Cancer



Leo



Virgo



Libra



Scorpio



Sagittarius



Capricorn

**b. Thảo luận về một bức tranh, một tấm ảnh**

Ví dụ:

Bài "Two different lives" (*American Headway 2*, Unit 2, pp. 10, 11)

- Look at the pictures. Who are the people? Where are they?
- Read the paragraphs and match them with the correct person. Write the letters a - h in the boxes for Anne - Marie and Lien.

**c. Chia sẻ một giải thoại**

Ví dụ:

Bài "Davina Moody Drama Queen" (*American Headway 2*, Unit 7, pp. 54, 55)

Giáo viên kể một giải thoại về tình nết kỳ lạ của các ca sĩ, diễn viên Việt Nam, sau đó yêu cầu học sinh:

*Write down the names of two celebrities who are in the news right now. Read the names aloud around the class. Say why they are in the news. What have they done?*



## Davina Moody

### Drama Queen

#### Los Angeles

Wednesday, February 8th

She arrived by private jet on Sunday morning with a 20-strong entourage, including her PA (personal assistant), the PA to the PA, her hairdresser, make-up artist, manicurist, chef, dietician, masseuse, personal trainer, chauffeur, six bodyguards and, of course, a vet for her six-month-old King Charles Spaniel, Pooksie.

By Sunday evening the staff at California's Hollywood Hills Hotel, who have met and looked after some of the world's most famous and most temperamental film stars, felt that this star deserved an Oscar for her off-screen performance. Davina Moody was very moody, the moodiest of them all.

**d. Viết ra câu hỏi có thể dùng bài khóa để trả lời**

Ví dụ:

Bài "Davina Moody Drama Queen" (*American Headway 2*, Unit 7, pp. 54, 55)

- How did Davina travel?
- Who did she travel with?
- Is Davina the first famous star to stay in the hotel?
- Did the hotel staff enjoy looking after her?

**e. Sử dụng hình ảnh, yêu cầu người học đoán trước diễn biến của câu chuyện**

Ví dụ:

Bài "The Man with the Golden Gun" (*American Headway 2*, Unit 2, pp. 10, 11)

Học sinh xem 8 tấm hình mô tả câu chuyện điệp viên 007 và dự đoán những diễn biến tiếp theo.

*(You are going to listen to an extract from The Man with the Golden Gun. Cover the story and look at pictures 1 - 8. What do you think is happening?)*





## f. Sử dụng âm nhạc, yêu cầu người học dự đoán về bài sắp sửa học

Ví dụ:

Bài "What music would you play to an alien?" (*American English File 4, Unit 6A, p. 55*)

Giáo viên cho học sinh nghe một đoạn nhạc cổ điển, một đoạn nhạc hòa tấu, vài câu nhạc Country, vài câu nhạc Pop, vài câu nhạc Rock.

*Think of a song or piece of music that you remember hearing and liking when you were a child. Where did you first hear it? How old were you? Why did you like it?*

*Look at the title of a newspaper article. Then read the article once. Why did the writer choose this title?*



## 2. Trong khi đọc

- Thiết kế các hoạt động để giúp học sinh hiểu bài khóa. Giúp học sinh hiểu bài khóa khác với việc kiểm tra bài học sinh.
- Trong việc kiểm tra, bạn cho rằng người học đã hiểu bài rồi và công việc của bạn là để người học chứng minh là họ đã hiểu.
- Với việc giúp học sinh đọc, bạn hướng dẫn học sinh từng bước một. Ví dụ: cung cấp từ mới, giải thích ngữ pháp, để học sinh suy đoán, gợi ý, cho các em niềm vui trong các bước học đọc.

Sau đây là một số thao tác cho giai đoạn này. Bạn có thể yêu cầu người học:

- Trả lời câu hỏi về đọc hiểu.
- Tóm tắt một đoạn văn.
- Xác định thông tin đúng, sai hay không có trong bài khóa (T, F or DS).
- Tìm mối quan hệ (như nguyên nhân và kết quả, thuận lợi và bất lợi, tương đồng và khác biệt...).
- Điền vào bảng, biểu đồ.
- Hoàn thành câu.
- Điền vào chỗ trống trong bài khóa hoặc trong một bài khóa khác.
- Tìm sự tương đồng hoặc khác biệt giữa hai bài khóa.
- Trình bày nội dung qua không gian đồ họa (như vẽ, tô màu, lập bản đồ, liệt kê các biến cố trong bài khóa, vẽ biểu đồ mối quan hệ giữa các biến cố).
- Sắp xếp các câu hoặc đoạn văn theo một trật tự hợp lý.
- Trả các câu / đoạn văn đã lấy ra từ bài khóa về đúng vị trí cũ.
- Đặt hoặc chọn tựa đề thích hợp.
- Hỏi mục đích / thái độ của tác giả khi viết.
- Hỏi thông tin nào sau đây không được nhắc đến trong bài khóa.
- Có thể kết luận gì từ một đoạn văn trong bài khóa.
- Có thể suy diễn gì từ một đoạn văn trong bài khóa.
- Tìm ý chính của từng đoạn văn.
- Bài khóa thích hợp với chủ đề nào nhất.

## 3. Sau khi đọc

Đây là bước củng cố bài học, mở rộng chủ đề, liên hệ thực tế, vận dụng bài học trong giao tiếp. Bạn có thể vận dụng một hoặc nhiều kỹ năng khác trong hoạt động này, như nghe, nói, viết, và kết hợp một hoặc nhiều phương pháp giảng dạy. Mục đích của giai đoạn này là mở rộng thực hành sao cho người học không những hiểu bài, thảo luận và tham gia vào các hoạt động của bài giảng mà còn biết áp dụng kiến thức đã học trong giao tiếp.

- Thảo luận những vấn đề đã nêu trong bài khóa, những vấn đề mới, thú vị, và gây tranh cãi. Ví dụ: Sau khi học sinh học xong bài "Blind Date" (*American Headway 2, Unit 1, pp. 6, 7*), giáo viên nêu một số vấn đề để thảo luận:



- Are blind dates a good idea? Why? Why not?
  - Why do people go on blind dates?
  - Do you know anyone who has been on a blind date? Was it successful?
  - Would you like to take part in a newspaper blind date like this one?
- Làm những bài tập về ngôn ngữ (vocabulary, grammar, idioms). Ví dụ: Sau khi học xong bài "What Every Body Is Saying" (*American English File 4*, Unit 7B, pp. 70, 71) học sinh làm bài tập về từ vựng:

Read the article again, and find synonyms for the words and phrases below:

**Paragraph 1**

1. believable .....
2. honest, not pretending .....
3. continued in a determined way (verb) .....

**Paragraph 2**

1. watched .....
2. etc.

- Mở rộng bài khóa dưới hình thức nói hay viết. Ví dụ: Sau khi học sinh học xong bài "Crime online" (*American English File 4*, Unit 8A, pp. 76, 77), giáo viên mở rộng bài khóa dưới hình thức:



**NÓI:**

*In groups, discuss the questions below:*

Are these activities against the law in your country? Do you think they should be illegal? Why (not)? How do you think they should be punished?

**Online world**

- Downloading music, books, and movies
- Hacking into somebody else's computer
- Etc.

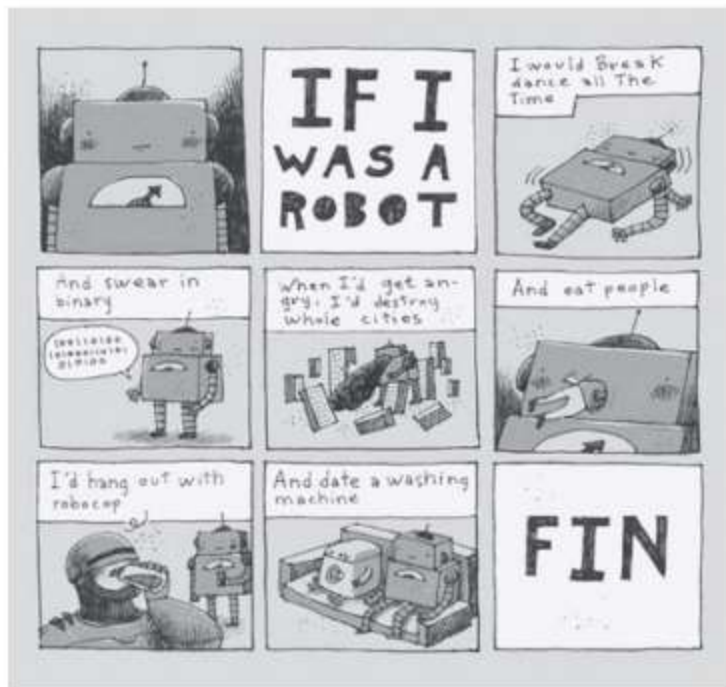
**VIẾT:**

*Write an article for a magazine saying what you think about either downloading music and movies, or about squatting.*

Sau đây là một ví dụ mở rộng:

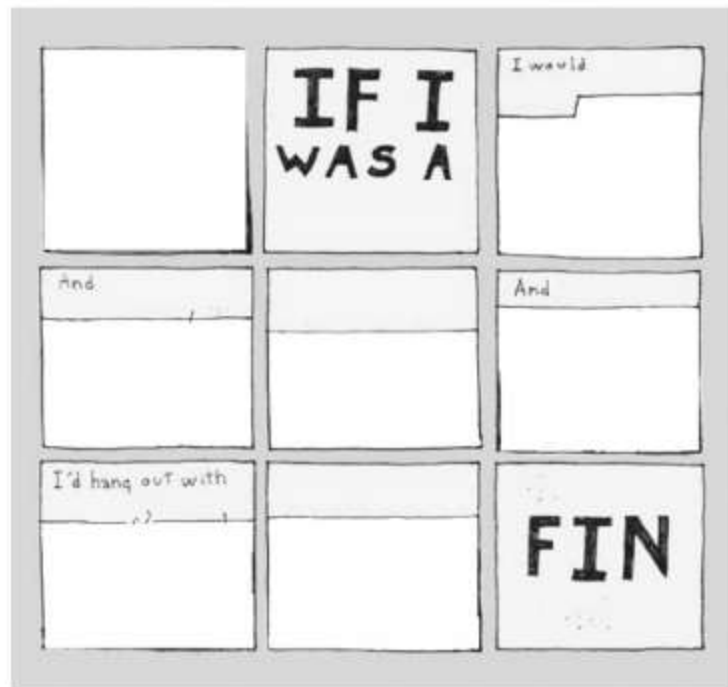
Giả sử chủ đề bài đọc là ước mơ (liên quan đến bài ngữ pháp Subjunctive Mood). Giáo viên hỏi cả lớp: What would you do if you were a robot? What would you eat? How would you talk? What would be your favourite thing to do? Who would you hang out with? Who would you date? What emotion would you have? Sau khi người học đã thảo luận những vấn đề này, cho họ xem hình sau đây hoặc phát tài liệu:





Kế tiếp, hỏi người học mong ước gì nếu mình không phải là người (có thể là chim, ma cà rồng, cuốn sách, chiếc xe...).

Khi người học đã có lựa chọn, phát tài liệu và cho họ thời gian để vẽ ra những điều mà họ mơ ước.



Cuối cùng, người học chia sẻ ước mơ của mình với bạn cùng lớp hoặc trình bày trước lớp.

## Phần thực hành dành cho giáo viên

Chọn một trong hai bài khóa sau đây và quyết định phải dạy từ nào cho học sinh. Bạn chuyển một bài khóa sang một bài dạy đọc như thế nào?

### The Amazing Powers of Self Hypnosis

—Steve G. Jones

I want to share a success story about hypnosis for weight loss. There are so many, but this one stands out in my mind and touches my heart. I was working in the summer of 2004 with a young lady named Jen. She was 19 at the time and was scheduled to undergo gastric bypass surgery. This surgery is very drastic and involved stapling the stomach so that the person can no longer eat large meals. She also already had liposuction but regained all of her weight. Her father had died and all her mother wanted was for Jen to be happy.

As they both sat in my office in tears, Jen told me that this was her last attempt to lose weight before killing herself. After her mom left the room, we began the hypnosis session. While in a trance, Jen remembered being abused by her father. It was traumatic for her to recall this, but helpful at the same time. Jen also revealed that she had "built up a protective layer" with the excess weight. She explained while under hypnosis that the weight repelled men and kept her "safe."

After Jen was out of hypnosis, I invited her mom back into the office. The three of us discussed this unfortunate event. Her mom said that she had suspected that it happened, but never had proof until now. Jen returned the next week and we began working on re-building her self-esteem using hypnosis. This is very easy to do with hypnosis since the messages go directly to the subconscious mind. If you want to do this yourself, just make a tape with positive suggestions that you play in bed each night as you go to sleep.

In the four weeks that followed, I was able to reframe the way she felt about eating right, exercising, and taking care of herself in general. After only six sessions, I told Jen that I had done all the work we needed to do.

Last week, Jen sent me an e-mail with a picture. You see, I had programmed her to continue to eat right, exercise, and take care of herself. Well, the picture she sent looked like a model! Jen had gone from 325 lbs. to 115 lbs! The e-mail was even more inspirational. Here's what she wrote:

Dear Steve,

It has been a year since our last session. The pounds have been consistently dropping. I eat differently and don't even try to. I exercise three times a week and

love it. Most importantly, my view of life is completely different now. I went from being overweight and suicidal to being thin, sexy, beautiful and totally confident. My mom is happier than ever and so is my husband. That's right! I am married. He's 6'4", an architect, and wants kids. I feel like I'm living the life of my dreams. Hypnosis is amazing. You taught me that I could do ANYTHING that I BELIEVE I can do. You are right. Feel free to share this letter with others. I want the world to know about the power of hypnosis and the power of the human mind!

With much love and respect,

Jen

In my line of work, I get to see this happen often. Jen is one of the many people who decided to make a powerful change in her life. Hypnosis helped, but the change was really due to her commitment to herself. I hope that the sharing of Jen's journey will inspire you to create whatever powerful change you desire in your life. There are no obstacles, except the ones YOU create in your mind. Remove those obstacles, and you will easily live the life of YOUR dreams.

Steve G. Jones is a board certified Clinical Hypnotherapist. He is a member of the National Guild of Hypnotists, American Board of Hypnotherapy, president of the American Alliance of Hypnotists, on the board of directors of the Los Angeles chapter of the American Lung Association, and director of the California state registered Steve G. Jones School of Hypnotherapy.

### Why Do Some People Sleepwalk?

—Carlos Navarro

Sleep disorders such as sleepwalking arise when normal physiological systems are active at inappropriate times. We do not yet understand why the brain issues commands to the muscles during certain phases of sleep, but we do know that these commands are usually suppressed by other neurological mechanisms. At times this suppression can be incomplete—because of genetic or environmental factors or physical immaturity—and actions that normally occur during wakefulness emerge in sleep.

People can perform a variety of activities while asleep, from simply sitting up in bed to more complex behavior such as housecleaning or driving a car. Individuals in this trancelike state are difficult to rouse, and if awoken they are often confused and unaware of the events that have taken place. Sleepwalking most often occurs during childhood, perhaps because children spend more time in the "deep sleep" phase of slumber. Physical activity only happens during the non-rapid eye movement (NREM) cycle of deep sleep, which precedes the dreaming state of REM sleep.





## ĐẠY KỸ NĂNG VIẾT

Recently my team proposed a possible physiological mechanism underlying sleepwalking. During normal sleep the chemical messenger gamma-aminobutyric acid (GABA) acts as an inhibitor that stifles the activity of the brain's motor system. In children the neurons that release this neurotransmitter are still developing and have not yet fully established a network of connections to keep motor activity under control. As a result, many kids have insufficient amounts of GABA, leaving their motor neurons capable of commanding the body to move even during sleep. In some, this inhibitory system may remain underdeveloped—or be rendered less effective by environmental factors—and sleepwalking can persist into adulthood.

Sleepwalking runs in families, indicating that there is a genetic component. The identical twin of a person who sleepwalks often, for example, typically shares this nocturnal habit. Studies have also shown that frequent sleepwalking is associated with sleep deprivation, fever, stress and intake of drugs, especially sedatives, hypnotics, antipsychotics, stimulants and antihistamines.

To clarify the many mysteries of sleepwalking, we need to find out more about the brain mechanisms that control sleep and arousal states. Future research will have to focus not only on what is happening while sleepwalkers are sleeping but also on the characteristics of their waking brains.

Nhìn những bức ảnh dưới đây. Bạn sẽ phát triển loại bài đọc nào? Chủ đề gì? Bạn có thể tưởng tượng điều đã xảy ra cho những nhân vật trong bức ảnh hay không?



**T**rong những năm qua, giáo viên tiếng Anh, đặc biệt là giáo viên các trường phổ thông, thường chú trọng vào việc dạy từ vựng, ngữ pháp và đọc hiểu mà xem nhẹ việc rèn luyện kỹ năng viết. Hậu quả là học sinh tốt nghiệp THPT không viết nổi một câu tiếng Anh. Sinh viên tốt nghiệp đại học không viết được một lá đơn xin việc bằng tiếng Anh. Sinh viên cao học không viết nổi một luận văn, một bài báo khoa học bằng tiếng Anh. Năm 2015 Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định phải có phần viết trong bài thi tiếng Anh tốt nghiệp THPT. Kết quả là thí sinh bỏ phần này hoặc làm cho có.

Trên internet có cả một trang web quảng cáo dạy viết siêu việt, thần tốc bằng cách... dịch Việt - Anh. Phương pháp này phân khoa học ngay từ đầu. Nên nhớ rằng dịch thuật là một kỹ năng, là nghệ thuật sáng tạo mà người ta không thể tinh thông một sớm một chiều được. Đó là chưa kể, kỹ năng dịch thuật Việt - Anh của học sinh đạt đến trình độ nào để có thể chuyển tải toàn bộ văn bản sang tiếng Anh hiệu quả được.

Ngày nay với sự tiến bộ vượt bậc của ngành công nghệ thông tin và truyền thông, ngày càng có nhiều phần mềm dịch thuật được tung ra và được sự hưởng ứng nồng nhiệt của người sử dụng. Nhiều người, hầu hết là giới trẻ, lệ thuộc 100% vào các công cụ dịch thuật này. Giới trẻ không cần học viết. Họ chỉ cần gõ một câu tiếng Việt và ngay lập tức có một câu tiếng Anh. Chỉ cần dùng điện thoại scan một văn bản tiếng Việt và tìm trên Google, thế là có ngay một văn bản tiếng Anh trong vòng... một nốt nhạc! Hệ quả là kỹ năng viết tiếng Anh của giới trẻ ngày càng kém.

### Đạy viết tiếng Anh hiệu quả

"Viết tốt có nghĩa là viết rõ ràng, chính xác, trôi chảy và không có từ thừa. Viết một đoạn văn cũng tương tự như xây một bức tường. Bức tường được xây bằng những hàng gạch. Hàng gạch được tạo thành từ những viên gạch. Đối với việc viết tiếng Anh, viên gạch là từ; chỗ nối những viên gạch là liên từ hay từ nối câu; hàng gạch là câu; và bức tường là đoạn văn.

Điều cơ bản là học sinh phải biết chọn từ thích hợp, rồi kết hợp những từ này theo một trật tự hợp lý. Để chọn từ cho đúng, học sinh phải có vốn từ vựng, tức là phải biết ngữ nghĩa và cách dùng của từ. Điều này chỉ có thể đạt được bằng cách đọc kỹ và ghi chú cẩn thận. Đọc nhiều, đọc kỹ sẽ giúp cho học sinh nhận biết được cách đặt từ vào vị trí thích hợp nhất.

Tập phân tích câu để biết câu thành lập như thế nào, từ đó áp dụng vào cách viết câu của riêng mình. Tập kết hợp câu để đạt tính chính xác và lưu loát. Nên nhớ rằng dùng quá nhiều câu dài sẽ nặng nề, nhàm chán; dùng toàn câu ngắn sẽ tạo nên sự đơn điệu. Biết phối hợp câu dài, câu ngắn sẽ tạo hiệu quả sinh động, uyển chuyển cho bài viết.

(Nguyễn Mạnh Thảo, *Để viết một đoạn văn tiếng Anh hiệu quả*, tr. 51, 52)

## Dạy viết câu

Giáo viên hướng dẫn học sinh rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức ngữ pháp và cấu trúc câu để viết một câu tiếng Anh đồng nghĩa với một câu cho sẵn.

Vi dụ:

*Rewrite the following sentences using the passive:*

- They cancelled all flights because of fog.  
All flights .....
- People don't use this road much.  
This road .....
- Somebody accused me of stealing the money.  
I .....
- How do people learn languages?  
How .....?
- Somebody warned us not to go out alone.  
We .....
- I didn't realize that somebody was recording our conversation.  
I didn't realize that .....
- When we got to the stadium, we found that they had cancelled the game.  
When we got to the stadium, we found that .....
- They didn't give me the information I needed.  
I .....

- They asked me some difficult questions at the interview.  
I .....

- Linda's colleagues gave her a present when she retired.  
Linda .....

(Murphy, 2004, *English Grammar in Use Intermediate*, pp. 85 - 91)

*For each situation, write a sentence beginning with If:*

- We don't see you very often because you live so far away.  
If you .....
  - This book is too expensive, so I'm not going to buy it.  
If I .....
  - We don't go out very often - we can't afford it.  
We .....
  - I can't meet you tomorrow - I have to work late.  
If .....
  - It's raining, so we can't have lunch outside.  
We .....
  - I don't want his advice, and that's why I'm not going to ask for it.  
If .....
  - I wasn't hungry, so I didn't eat anything.  
If I .....
  - The accident happened because the road was icy.  
If the road .....
  - I didn't know that Joe had to get up early, so I didn't wake him up.  
If I .....
  - I was able to buy the car only because Jane lent me the money.  
If Jane .....
- (Murphy, 2004, pp. 79, 81)

*Write sentences beginning I wish...*

- I don't know many people (and I'm lonely).  
I wish .....



2. I can't give up smoking (but I'd like to).  
I wish .....
3. George isn't here (and I need him).  
I wish George .....
4. It's cold (and I hate cold weather).  
I wish .....
5. I live in London (and I hate London).  
I wish .....
6. Tina can't come to the party (she's your best friend).  
I wish .....
7. I have to work tomorrow (but I'd like to stay in bed).  
I wish .....
8. I don't know anything about cars (and my car has just broken down).  
I wish .....
9. I'm not lying on a beautiful sunny beach (and it's a pity).  
I wish .....
10. You've eaten too much and now you feel sick.  
I wish .....  
(Murphy, 2004, pp. 79, 81)

**Complete the sentences so that they mean the same as the first sentence. Use -ing:**

1. I can do what I want and you can't stop me.  
You .....
2. It's not a good idea to travel during rush hour.  
It's better to avoid .....
3. Shall we paint the kitchen next weekend instead of this weekend?  
Shall we postpone ..... until ..... ?
4. Could you turn the radio down, please?  
Would you mind ..... ?
5. Please don't interrupt me all the time.  
Would you mind ..... ?

6. Tom said, "Let's have fish for dinner."  
Tom suggested .....
7. I don't want to go out this evening.  
I don't fancy .....
8. The driver of the car said it was true that he didn't have a license.  
The driver of the car admitted .....
9. "Why don't we go for a swim?" she said  
She suggested .....
10. "I didn't break the CD player," the boy said.  
The boy denied .....  
(Murphy, 2004, p. 107)

**Write a second sentence with the same meaning:**

1. I phoned Ann and then I went out.  
After .....
2. Tom went to bed but first he had a hot drink.  
Before .....
3. The plane took off and soon afterwards it crashed.  
Soon after .....
4. We didn't eat at home. We went to a restaurant instead.  
Instead of .....
5. He hurt his leg but he managed to win the race.  
In spite of .....
6. I don't intend to lend her any money.  
I have no intention of .....
7. George took more exercise and so lost weight.  
By .....
8. Bill is a very good cook.  
Bill is very good at .....
9. He was angry with me because I was late.  
He was .....

10. Tom thinks that doing nothing is better than working.

Tom prefers .....

(Murphy, 2004, p. 121)

**Make one sentence from two. Complete the sentences with an -ing clause:**

1. A bell was ringing. I was woken up by it.

I was woken up by .....

2. A man was sitting next to me on the plane. I didn't talk much to him.

I didn't talk much to the .....

3. A taxi was taking us to the airport. It broke down.

The .....

4. There's a path at the end of this street. The path leads to the river.

At the end of the street there's .....

5. A factory has just opened in the town. It employs 500 people.

A .....

6. The company sent me a brochure. It contained the information I needed.

The company sent me .....

(Murphy, 2004, p. 195)

**Complete the sentences so that they mean the same as the first sentence:**

1. Paulo said, "I want to buy a laptop for my father."

Paulo said .....

2. "My goodness, what a lovely dress!"

She exclaimed .....

3. "Hello! Where are you going?"

He greeted me and asked .....

4. "Oh! I've cut myself."

She cried out that .....

5. "Oh dear, my headache's getting worse!"

She complained that .....

6. "I feel very weak. I don't think I can go to work."

She said .....

7. "How old are you? Can you read yet?"

I asked the child how .....

8. "What time is it? My watch has stopped."

She asked me what .....

9. "Don't do that! Are you crazy?"

She told me not .....

10. "Are you cold? I can soon build a fire."

He asked if .....

**Rewrite the following sentences using Present Perfect or Past Simple:**

1. Miss Lan began to teach in this school 10 years ago.

Miss Lan has .....

2. John started playing the guitar in April.

John has .....

3. Mai last used her bicycle three years ago.

Mai hasn't .....

4. The last time we met her was in 2000.

We haven't .....

5. It's five years since he last composed a love song.

He hasn't .....

6. She hasn't come back home for 20 years.

She last came back .....

7. He hasn't played basket ball since 2005.

The last time .....

8. I haven't seen her for a long time.

It's a long time .....

9. I have never watched this film before.

This is the first time .....

10. How long is it since you last went to London?

When was the last time .....



## Dạy kết hợp câu bằng liên từ

Liên từ nối từ, nhóm từ, mệnh đề có giá trị tương đương.

Vi dụ: Bill **and** Jane

In London **and** in Nottingham

He went to the door **and** opened it

He asked where I had been **and** what I had been doing.

**Nhóm AND:** thêm thông tin

and both... and not only... but also what is more too furthermore  
moreover and also as well as

Vi dụ: Jane is beautiful and intelligent.

Jane is not only beautiful but also intelligent.

Jane is beautiful and also intelligent.

Jane is beautiful and intelligent; What's more she is very kind.

**Nhóm BUT:** nối hai vế tương phản

but however yet nevertheless on the other hand still  
for all that whereas while

*But* chỉ nối words, phrases và clauses.

Vi dụ: Mary is beautiful but selfish.

He never works but he gains all the prizes.

*still, however, whereas, while, yet, nevertheless, on the other hand* chỉ nối clauses.

Vi dụ: The sun is shining and there are very few clouds;

nevertheless I am sure it is going to rain.

Bill is in class 5, whereas John, who is a year older, is only in class 4.

**Nhóm OR:** chỉ sự chọn lựa

or either... or neither... nor otherwise or else

Vi dụ: You must come either on Monday or on Tuesday.

The climate of Britain is neither too hot in summer nor too cold in winter.

You must leave at once, otherwise you miss the train.

You had better come yourself or else send a friend, it is not enough to send a letter.

**Nhóm SO:** chỉ kết quả

so therefore thus hence consequently accordingly

Vi dụ: He felt ill so he went to bed early.

The examination is very difficult, consequently very few were able to pass.

## EXERCISE

*Rewrite the following sentences using coordinate conjunctions:*

Vi dụ: Jane is beautiful. Jane is intelligent.

Jane is not only beautiful but also intelligent.

1. They said I was to come. They said he was to come.
2. We know him. We know his wife.
3. I wanted to go. He wanted to stay.
4. I was very tired. I determined to walk on to the next village.
5. You can send letters from Hongkong by Suez. You can send them by Canada.
6. I was feeling very tired. Whenever I got home, I went to bed.
7. He has to act immediately. If he hadn't he would have been too late.
8. The examination was very stiff. Very few were able to pass.
9. There was no one there. I went away.
10. He was very young and had no experience of that type of work. He was not given the post.

(Campbell, R. *English Composition for Foreign Students*. pp. 13, 31)

## Dạy kết hợp câu bằng mệnh đề

Giáo viên hướng dẫn học sinh kết hợp câu bằng mệnh đề quan hệ, mệnh đề danh ngữ, mệnh đề trạng ngữ.

Vi dụ: Kết hợp câu bằng mệnh đề quan hệ.

The boy is my son. The boy is playing with the ball.

→ The boy *who is playing with the ball* is my son.

The boy is my son. Mary likes the boy.



- The boy *whom Mary likes* is my son.  
The boy is my son. His eyes are brown.
- The boy *whose eyes are brown* is my son.

Cuối cùng, giáo viên hướng dẫn học sinh sử dụng 3 loại mệnh đề nêu trên để kết hợp câu.

Vi dụ:

**Express the following groups of sentences as one Main clause and one or more Subordinate Clauses:**

1. It was ten o'clock. He went to bed. He was tired.
2. It does not rain tomorrow. I shall go to London.
3. He went very seldom to the theatre. He went there. He enjoyed it.
4. I was sitting. A man came in.
5. It began to rain. I left him there. He had been standing there for the last half hour.
6. He looked very white. He had perhaps seen a ghost.
7. I was staying in London. I went to Kew. I wanted to see flowers.
8. I went home. I had to fetch my luggage. Then I went on to my next place.
9. He seldom came to town. He was always recognized. He wore very strange clothes.
10. The concert was over. Immediately everyone rushed away. They wanted to catch the last train.

(Campbell, 1961, pp. 64, 65)

## Dạy rút gọn câu bằng cụm từ

**Cụm từ giúp học sinh viết tiếng Anh được rõ ràng, chính xác, trôi chảy và không lằng nhằng từ ngữ.**

Khảo sát những câu sau đây:

*The man who lived in the house next door knew I was ill. He came many times to see me. He wanted to ask if there was anything he could do for me.*

Bằng cách sử dụng cụm từ, những câu trên được chuyển thành một câu như sau:

*Knowing I was ill, the man next door came many times to ask if he could do anything for me.*

Và như thế câu viết sẽ trở nên gọn gàng và lưu loát hơn.

**Rewrite the following sentences using phrases:**

Vi dụ: He was on his way to school. He met a friend. The friend was going to another school.

→ Going to school, he met a friend going to another school.

1. He had seen all he wanted to see. He went away. He did not waste any time.
2. It was Friday, 22<sup>nd</sup> October. He went for a walk. He was accompanied by his elder brother.
3. The cat was on the chair. It was sitting contentedly. It was gazing at the antics of the dog. The dog was playing on the mat.
4. He was going to Famagusta. He met a man. The man was dressed in a red cloak. He was riding on a donkey.
5. The valley lay in front of us. It was shrouded in a thick mist.
6. We peered round. We found a stream of fresh water. It lay almost at our feet.
7. A small boat lay. It was at anchor. It was off the south coast of the island. Its sails were flapping in the wind.
8. Everything was ready. A signal was given to advance.
9. He realized his mistake. He at once changed his direction. He made for Canton.
10. There was a wedding. It was held that week. It was celebrated in London.

(Campbell, 1961, pp. 18, 28)

## Dạy các loại câu

Giáo viên trình bày cấu trúc của các loại câu đơn (simple sentence), câu kép (compound sentence), câu phức (complex sentence), câu phức hợp (compound-complex sentence). Sau đó giáo viên cho học sinh tập viết các loại câu đó.

Vi dụ:

**Write two simple sentences:**

One subject and one verb

One subject and two verbs

Two subjects and one verb

Two subjects and two verbs



### Write compound sentences:

1. He did not talk or laugh; .....
2. Ask no questions and .....
3. They said nothing and .....
4. I wanted to go but .....
5. I was very tired so .....
6. The examination was very difficult, consequently .....
7. You have to go now otherwise .....
8. He had to pay a fine of \$10 or else .....
9. He is very clever while his brother .....
10. You must tell him where you are going and also .....

### Write complex sentences:

1. That girl who .....
2. The plane that .....
3. When I was walking home, there was .....
4. I was woken up by the baby .....
5. At the end of the street there is a path which .....
6. The man who was injured in the accident .....
7. The window which .....
8. The paintings which were stolen .....
9. Did you know about the boy whom ..... ?
10. I shall do it when .....

### Write compound - complex sentences:

1. He knows he has been good; therefore, .....
2. The violinist bowed and smiled while the audience applauded wildly, but ....
3. The student checked his paper carefully; still, .....
4. I do not know how you regard this action, but .....
5. I'd like some advice on this matter, but .....
6. Shots rang out close by, and, almost before .....

7. I wanted to travel after I graduated from college; however, .....
8. I couldn't decide where I should work or .....

## Dạy viết câu với cấu trúc cơ bản

1. Subject	Verb	Adverbial
The concert	is	tomorrow.
The photos	lay	on the table.

2. Subject	Verb	Object	Adverbial
The company	sells	mobile phones.	
Tom	wrote	a letter.	

3. Subject	Verb	Complement	Adverbial
The dress	is	nice.	
The old cinema	became	a nightclub.	

4. Subject	Verb	I.O	D.O	Adverbial
We	gave	the man	some money.	
Maria	sent	me	a letter.	

(I.O: indirect object; D.O: direct object)

5. Subject	Verb	Object	Complement	Adverbial
The project	kept	him	very busy.	
The group	made	Simon	their spokesman.	

## Dạy viết câu với cấu trúc thông dụng

1. so + adjective / adverb + that (quá... đến nỗi...)
She was so old that she could not run.

2. so many / much + noun + that (quá nhiều... đến nỗi...)
Dr. Maria has so many patients that she doesn't have much free time.

### 3. such + noun + that (quá... đến nỗi...)

She was such an old woman that she couldn't run.

### 4. too + adjective / adverb + to infinitive (quá... không thể / nên không...)

She's too old to run.

### 5. adjective / adverb + enough + to infinitive (đủ... để...)

The questions were easy enough for us to answer.

### 6. It + be + adjective + to infinitive

It's difficult to be angry with her.

### 7. It takes / took + time + to infinitive (mất bao lâu để...)

It takes 30 minutes to go to Rex Hotel by bus.

### 8. not only... but also (không những... mà còn)

She's not only beautiful but also intelligent.

### 9. no sooner... than (vừa mới... thì...)

We had no sooner gone out than it began to rain.

### 10. call + noun / pronoun + noun

Her name is Catherina but we often call her Kate.

11. Subject	Verb	Object	bare infinitive present participle past participle
I	saw	the thief	run away (fact)
I	saw	the thief	running away (in progress)
I	saw	the thief	arrested (passive meaning)

## Dạy viết một đoạn văn

1. Dạy các thành phần của một đoạn văn: câu chủ đề (topic sentence), câu hỗ trợ (supporting sentences), câu chuyển tiếp (transitions), câu kết (concluding sentence).
2. Dạy viết câu chủ đề.

- Bạn nên bắt đầu paragraph bằng một topic sentence.
- Topic sentence giới thiệu topic và controlling idea.
- Controlling idea giới hạn hoặc kiểm soát tất cả ý tưởng trong paragraph. Điều này có nghĩa là tất cả ý tưởng trong paragraph phải liên quan trực tiếp đến controlling idea.
- Topic sentence phải rõ ràng và ngắn gọn, không được quá chung chung hoặc quá cụ thể.
- Controlling idea phải rõ ràng và tập trung vào một vấn đề cụ thể.
- Một topic sentence chỉ có một topic và một controlling idea.

### EXERCISE

Circle the topic and underline the controlling idea:

1. Hiking is the best way to explore nature closely.
2. My uncle had a frightening experience as a young man.
3. Text messaging has become popular among teenagers.
4. Effective time management requires four easy steps.
5. Every college student should take a computer course.  
(Savage & Shafiei, 2012, p. 7)

Study the following groups of sentences. Circle the number of the better topic sentence in each pair:

1. Many things make English learning difficult.
2. What makes English particularly difficult is to learn its pronunciation.
3. *Gone with the Wind* is a good movie.
4. The acting in *Gone with the Wind* was superb.
5. The architecture in Chicago reflects trends in modern design.
6. Chicago is an interesting city.  
(Smalley, L.R. & Ruetten, K.M. *Refining Composition Skills*, p. 9)



Choose the best topic sentence for each controlling idea:

1. Topic: Clubs at university

Controlling idea: There are three types of clubs at university.

Topic sentences:

- Universities usually have many sports clubs.
- University clubs can be classified into three types.
- Many university students enjoy club activities after their classes are over.

2. Topic: Living in a university dormitory

Controlling idea: Living in a university dormitory has many benefits for university students.

Topic sentences:

- When students start university, some of them move into a dormitory.
- The main benefit of living in a dormitory is free air conditioning.
- Living in a dormitory brings a number of benefits to university students.

3. Topic: Academic writing skills for university students

Controlling idea: Academic writing skills are essential for high grades in university.

Topic sentences:

- Good academic writing skills help students in university and throughout their lives.
- In university, having academic writing skills is important to achieve good marks.
- The ability to write well is a requirement for top grades in literature.

(Chin & Koizumi, *Academic Writing Skill 1*, p. 9)

Write a topic sentence for each of the following topics:

- The school subject that you like best (đề thi THPT, 2014)
- The job you choose after graduation (đề thi minh họa THPT, 2015)
- The person you like
- Your room
- Your school
- Your ideal English teacher

7. Your favorite relative

8. A camping trip

9. Your family

10. Job interview.

## Dạy viết câu hỗ trợ

Chức năng của câu hỗ trợ là thêm thông tin về chủ đề và ý tưởng chủ đạo. Câu hỗ trợ định nghĩa, giải thích, cho ví dụ, minh họa, so sánh, chứng minh, hoặc tranh biện về chủ đề. Sau đây là một số câu hỗ trợ tương ứng với mỗi câu chủ đề:

Topic sentence: *Mosquitoes are interesting insects.*

Supporting sentences:

- Mosquitoes are attracted to heat.
- Mosquitoes fly several miles to find food.
- Only the female mosquito bites.

Topic sentence: *One of my hobbies is listening to international music.*

Supporting sentences:

- I have a large collection of world music recordings.
- My friends and I like to introduce each other to new international artists we discover.
- I enjoy going to concerts by musicians from different countries.

Topic sentence: *I really like the winter holidays.*

Supporting sentences:

- I like the way people decorate their homes and stores.
- I enjoy going shopping in cold weather.
- I enjoy the parties and celebrations of the winter holiday.

Topic sentence: *My new apartment is perfect for my roommate and me.*

Supporting sentences:

- My new apartment has big closets.
- My new apartment is close to school and work.
- My new apartment is not too expensive for students.

(Savage & Shafiei, 2012, pp. 8 - 9)

## Điểm hỗ trợ (Supporting points)

Sau khi viết câu chủ đề, bạn phải tìm một số điểm hỗ trợ để viết một đoạn văn.

Những điểm hỗ trợ này phải:

- phù hợp với chủ đề.
- cung cấp ví dụ hoặc lý do để giải thích ý tưởng chủ đạo.
- khác nhau để mỗi điểm hỗ trợ có thể phát triển độc lập.

Ví dụ:

1. **Topic sentence:** After graduating from high school, many students go on to university, but their *reasons for entering higher education vary*.

**Controlling idea:** reasons for going to university vary.

**Supporting point 1:** to study a particular subject in depth.

**Supporting point 2:** to prepare for a future career.

**Supporting point 3:** to make friends and enjoy an active social life.

2. **Topic sentence:** After graduating from high school, many students go on to university, and this *will help them in their future career*.

**Controlling idea:** will help them in their future career.

**Supporting point 1:** they can obtain a university degree.

**Supporting point 2:** they can gain specialized knowledge.

**Supporting point 3:** they can learn practical skills.

(Chin & Koizumi, 2012, p. 10)

## Dạy viết câu kết

Câu kết của một đoạn văn có hai chức năng:

- Nhắc lại ý tưởng chủ đạo trong câu chủ đề.
- Tóm tắt những điểm hỗ trợ đã được bàn đến trong đoạn văn.

Ví dụ 1:

**Topic sentence:** *After graduating from high school, many students go on to university, but their reasons for entering higher education vary.*

(Controlling idea: *but their reasons for entering higher education vary*)

## Supporting points:

1. To study a particular subject in depth.
2. To prepare for a future career.
3. To make friends and enjoy an active social life.

**Concluding sentence:** *To sum up, students go to university for a variety of reasons: to study a particular field, to find a good job, or to make friends.*

Concluding sentence này đã:

- Nhắc lại controlling idea trong topic sentence bằng cách sử dụng những từ ngữ khác (*students go to university for a variety of reasons*).
- Trình bày lại ba supporting points theo cùng một trật tự khi chúng xuất hiện trong paragraph nhưng bằng những từ ngữ khác (*to study a particular field, to find a good job, or to make friends*).

Ví dụ 2:

**Topic sentence:** *After graduating from high school, many students go on to university because it will help them in future career.*

## Supporting points:

1. They can obtain a university degree.
2. They can gain specialized knowledge.
3. They can learn practical skills.

**Concluding sentence:** *To summarize, with their degree, specialized knowledge, and practical skills, university graduates have an advantage in the job market, and for some students, this is the main reason for attending university.*

Ví dụ 3:

**Topic sentence:** *Some students go to university for reasons other than academic study.*

## Supporting points:

1. To meet many people.
2. To enjoy sports and hobbies.
3. To find a better career in the future.

**Concluding sentence:** *In short, some students go to university not to study but to socialize with other students, to participate in club activities, or to find a good job.*

Câu kết thường bắt đầu với một từ chuyển ý (transitional expression) như: in short, in brief, to summarize, to sum up, by and large... (Chin & Koizumi, 2012, pp. 17, 18)

### EXERCISE

For each of the following examples, write a concluding sentence that restates the controlling idea in the topic sentence and summarizes the supporting points.

1. **Topic sentence:** Living in a dormitory brings a number of benefits to university students.

Supporting points:

1. They can make friends.
2. They can learn social skills.
3. They can save money.

**Concluding sentence:** .....

.....

2. **Topic sentence:** Good academic writing skills help students in several ways in university and beyond.

Supporting points:

1. They help students complete university assignments successfully.
2. They lead to good grades.
3. They help students in their future career.

**Concluding sentence:** .....

.....

(Chin & Koizumi, 2012, pp. 18, 19)

## Dạy tiến trình viết

1. **Tim ý tưởng:** Viết ra tất cả các ý tưởng có liên quan đến đề bài. Ý tưởng nào xuất hiện trong đầu trước thì viết ra giấy trước. Ý tưởng nào nảy ra sau thì viết sau. Chỉ viết ý tưởng, không viết thành câu, viết liên tục không ngừng.
2. **Chọn lọc ý tưởng:** Đọc lại toàn bộ ý tưởng có được trong quá trình tìm ý. Loại bỏ những ý tưởng không liên quan đến đề bài; chỉ giữ lại những ý tưởng quan trọng, cần thiết cho chủ đề mà thôi.
3. **Sắp xếp ý tưởng:** Cân nhắc thật kỹ xem nên để ý tưởng nào trước, ý tưởng nào sau, ý tưởng nào để cuối cùng... Sắp xếp ý tưởng theo trật tự logic sau:
  - a. **Trật tự về thời gian:** Sắp xếp ý tưởng từ quá khứ đến hiện tại hoặc ngược lại.
  - b. **Trật tự về không gian:** Sắp xếp ý tưởng theo trật tự không gian, từ gần đến xa, từ trong ra ngoài, từ thấp lên cao, từ trái sang phải... hoặc ngược lại.
  - c. **Trật tự về mức độ:** Sắp xếp ý tưởng theo mức độ quan trọng hay tính hấp dẫn của nó.  
Important - more important - the most important  
Interesting - more interesting - the most interesting
  - d. **Trật tự về sự quen thuộc:** ý tưởng nào gần gũi, quen thuộc viết trước. Ý tưởng nào xa lạ, không quen thuộc viết sau.
4. **Viết:** Viết câu chủ đề trước. Sau đó ý thứ nhất ta viết thành câu thứ nhất, ý thứ hai ta viết thành câu thứ hai... cứ như thế cho đến ý cuối cùng ta viết thành câu cuối cùng. Sau cùng ta viết câu kết. Chưa hết, ta xem có thể liên kết câu 1 và câu 2, câu 3 và câu 4, câu 5 và câu 6, câu 7 và câu 8... bằng liên từ, từ nối câu, mệnh đề, phân tử... hay không.
5. **Kiểm tra:** Sau khi viết xong một đoạn văn, hãy kiểm tra:
  - a. Paragraph có topic sentence hay không?
  - b. Topic sentence có controlling idea rõ ràng hay không?
  - c. Tất cả các supporting sentences có phát triển ý chính (main idea) hay không (unity)?
  - d. Tất cả các câu có được sắp xếp theo trật tự logic (logical order) và móc nối với nhau trôi chảy hay không (coherence)?
  - e. Paragraph có concluding sentence hay không?
  - f. Kiểm tra chính tả, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc câu.



## Day tính nhất quán và mạch lạc của một đoạn văn

### Tính nhất quán (Unity)

- Topic sentence phải có controlling idea.
- Tất cả các sentences trong paragraph phải phát triển controlling idea.
- Supporting sentences phải hỗ trợ hoặc giải thích controlling idea bằng ví dụ, minh họa, so sánh, cho số liệu...
- Concluding sentence phải nhắc lại controlling idea và supporting points.

### Tính mạch lạc (Coherence)

- **Logical order:** Tất cả các sentences phải được sắp xếp theo một trật tự logic.
- **Fluency:** Các sentences phải được liên kết với nhau bằng liên từ hay từ nối câu hoặc từ chuyển ý để đạt được hiệu quả lưu loát và trôi chảy.

### Ví dụ về tính nhất quán:

**Topic sentence:** *My friend Macarena is generous.*

### Supporting sentences:

She often lets travelers stay in her home. She has hosted many students temporarily. She sends money to her family in Chile every month to help them with their bills. She always brings flowers or food to her friends when they are sick or have a need.

### Concluding sentence:

*Macarena is one of the most generous people I know.*

(Savage & Shafici, 2012, p. 12)

### Ví dụ về tính mạch lạc:

The best way to meet new friends is to take a class. **First**, all the people in a class have something in common. They all want to learn about the subject, so there is something to talk about. **Second**, everyone sees each other every time the class meets, so there are many opportunities to get to know others. **Third**, there are often activities and group projects so students can work together, and this is the best way to get to know people. **By the end** of the class, it is hard not to know your classmates.

(Savage & Shafici, 2012, p. 18)

## Day viết một đoạn văn mạch lạc và trôi chảy

### Tính mạch lạc (Coherence)

Tính mạch lạc là một yếu tố quan trọng trong việc viết một đoạn văn. Một đoạn văn mạch lạc và trôi chảy giúp người đọc dễ dàng theo dõi ý của tác giả bởi vì:

- Tất cả các câu được sắp xếp theo một trật tự logic.
- Sự chuyển ý từ câu này sang câu kế tiếp rất lưu loát và trôi chảy.
- Mối liên hệ giữa các ý tưởng được trình bày rõ ràng.

### Để viết một đoạn văn mạch lạc

- Sắp xếp câu hỗ trợ theo một trật tự logic.
- Sử dụng liên từ để chỉ mối liên hệ giữa các ý tưởng trong cùng một câu.
- Sử dụng từ chuyển ý (transitional expressions) để chỉ mối liên hệ giữa các câu.

### Transitional expressions

1. **Listing ideas:** *first, second, finally*
2. **Adding an idea:** *also, another, in addition, moreover*
3. **Showing a similar idea:** *like... likewise, similarly*
4. **Showing an opposite or contrasting idea:** *however, in contrast, on the other hand, unlike...*
5. **Showing an effect or result:** *as a result, because of, therefore, thus*
6. **Showing an example:** *for example, for instance*
7. **Concluding or summarizing:** *in short, in conclusion, to sum up, to summarize*

### Sentence fragments

**Sentence fragments:** là câu không hoàn chỉnh vì thiếu chủ ngữ hoặc động từ hoặc cả hai.

Ví dụ: I like Dalat. Is a beautiful city. (thiếu subject)

She nice. (thiếu verb)

Because he studied very hard. (thiếu main clause)

### Run-on sentences

**Run-on sentences:** là hai hoặc nhiều câu đi cùng với nhau nhưng không có dấu chấm câu hoặc không được liên kết bằng liên từ.

Một cách sửa run-on sentences là thêm dấu chấm giữa các câu hoặc dùng liên từ.

Vi dụ: I wanted to go, she wanted to stay. (thiếu conjunction)  
I got a book it was from my friend. (thiếu dấu chấm câu)

## Dạy viết từng loại đoạn văn

Sau khi dạy xong phần kỹ thuật viết một đoạn văn, giáo viên hướng dẫn học sinh viết từng loại đoạn văn cụ thể, như đoạn văn miêu tả (descriptive paragraph), tả người (description of a person), đoạn văn mô tả quá trình (process paragraph), đoạn văn tự sự (narrative paragraph), đoạn văn nêu ý kiến (opinion paragraph). Giáo viên phân tích và hướng dẫn học sinh cách viết câu chủ đề, câu hỗ trợ và câu kết cho từng thể loại.

### Dạy viết sáng tạo

Nhiều giáo viên cho rằng học sinh chỉ có thể sáng tạo khi đã đạt đến trình độ cao, nhưng họ không biết rằng ngay từ lúc dạy học sinh liên kết các ý tưởng bằng liên từ thì sáng tạo đã nằm sẵn trong đó rồi.

Vi dụ: *Make sentences using "not only... but also..."*

Học sinh có thể viết: She's **not only** beautiful **but also** intelligent.

Giáo viên yêu cầu học sinh viết câu phản nghĩa:

Vi dụ: She's **not only** ugly **but also** stupid.

Dạy viết sáng tạo có thể bắt đầu ở bất cứ trình độ nào. Vấn đề là giáo viên có tính sáng tạo hay không, có muốn khơi mở tinh thần sáng tạo nơi học sinh hay không. Dạy viết sáng tạo sẽ làm không khí lớp học trở nên sinh động, vui vẻ, phần khởi khi học sinh được tự do viết câu với ý tưởng của riêng mình cộng với sự khôi hài, hóm hỉnh, trí tưởng tượng phong phú.

- Dạy liên kết các ý tưởng bằng liên từ.
- Viết câu tự do với các liên từ cho sẵn.

Vi dụ: *Make sentences using "moreover, what's more, for all that, on the other hand..."*

- Viết tiếp một số câu.

Vi dụ: *Complete the following sentences:*

1. He went to the door and .....
2. He never works but .....
3. The sun is shining and there are very few clouds; nevertheless .....
4. You must leave at once, otherwise .....
5. The examination is very difficult, consequently .....

- Sáng tác một đoạn văn bằng cách chỉ dùng liên từ.

Vi dụ:

I knew they would be in the cottage. I knew they would be out for a walk / I went first to the house. I knocked. There was no answer. I opened the door. I looked into the room / There I saw John. I saw Tom. I saw my friend Bill / They all sounded asleep. I went away.

→ I knew they would be in the cottage OR out for a walk. I went first to the house AND knocked BUT there was no answer, SO I opened the door AND looked into the room. There I saw John, Tom, AND my friend Bill. They all sounded asleep, SO I went away.

Liên kết ý tưởng bằng mệnh đề quan hệ. Học sinh viết câu bằng cách sử dụng mệnh đề quan hệ và ý tưởng của riêng mình.

Vi dụ: The woman / doctor / lives next door.

→ The woman who lives next door is a doctor.

- Sáng tác câu dựa trên cấu trúc của mệnh đề danh ngữ.

Vi dụ:

	Mệnh đề danh ngữ bắt đầu bằng <i>that, if, whether, từ để hỏi (Wh - words)</i>
I don't know	<i>that</i> he is a worker.
	<i>who</i> he is.
	<i>what</i> he wants.
	<i>where</i> he comes from.
	<i>when</i> he came here.
	<i>how</i> he came here.
	<i>why</i> he came here.
	<i>if</i> he is a worker.
	<i>whether</i> he is a worker.

- Sáng tác câu dựa trên hình thức của mệnh đề tính ngữ.

Vi dụ:

Function	People	Things & Animals
Subject	WHO	WHICH
Object	WHOM	WHICH



Possessive	WHOSE	WHOSE OF WHICH
------------	-------	-------------------

The boy *who is playing with the ball* is my son.

The boy *whom Mary likes* is my son.

The boy *whose eyes are brown* is my son.

- Sáng tác câu dựa trên hình thức của mệnh đề trạng ngữ.

Vi dụ:

Adverb clause of time	
Bắt đầu bằng <i>when, whenever, while, as, as soon as, until, since, before, after, by the time</i>	I shall do it <i>when I have time</i> .

Adverb clause of place	
Bắt đầu bằng <i>where, wherever, as far as, as near as, whence</i>	You may sit <i>where you like</i> . I'll follow you <i>as far as you go</i> .

Adverb clause of manner	
Bắt đầu bằng <i>as, as if, as though</i>	Everything was carried out <i>as we had planned</i> . He behaves <i>as if he were a king</i> .

Adverb clause of cause (reason)	
Bắt đầu bằng <i>because, since, as, now that, seeing that</i>	Let's go to bed, <i>as it is now late</i> . Because he was lazy, <i>he lost his job</i> .

Adverb clause of result	
Bắt đầu bằng <i>so that, so... that, such... that</i>	He worked <i>so hard that he fell ill</i> . Nothing more was heard of him, <i>so that people thought he was dead</i> .

Adverb clause of purpose	
Bắt đầu bằng <i>that, so that, in order that, lest, for fear that</i>	Speak clearly, <i>so that they can understand you</i> . We worked carefully, <i>lest we should make mistakes</i> .

Adverb clause of concession (contrast)	
Bắt đầu bằng <i>although, though, even if, even though, however + (adjective / adverb), no matter (how / what / when), whatever, whether... or not</i>	<i>Even if it rains</i> , I shall come. He is honest, <i>although he is poor</i> .

Adverb clause of comparison	
Bắt đầu bằng <i>as... as, not so (such)... as, -ER... than, more... than, less... than</i>	She worked <i>more effectively than I expected</i> . She loves you <i>more than (she loves) me</i> .

Adverb clause of condition	
Bắt đầu bằng <i>If, if only, in case, so long as, unless, providing, provided, on condition that</i>	<i>If I have time</i> , I'll visit you.

- Sáng tác một đoạn văn bằng cách chỉ dùng các loại mệnh đề.
- Tập viết các loại câu đơn, câu kép, câu phức, câu phức hợp với ý tưởng của riêng người học.

Vi dụ:

Write two simple sentences:

One subject and one verb

One subject and two verbs

Two subjects and one verb

Two subjects and two verbs



**Write compound sentences:**

1. He did not talk or laugh; .....
2. Ask no questions and .....
3. They said nothing and .....
4. I wanted to go but .....
5. ....

**Write complex sentences:**

1. That girl who .....
2. The plane that .....
3. When I was walking home, there was .....
4. I was woken up by the baby .....
5. ....

**Write compound - complex sentences:**

1. He knows he has been good; therefore, .....
2. The violinist bowed and smiled while the audience applauded wildly, but .....
3. The student checked his paper carefully; still, .....
4. I do not know how you regard this action, but .....
5. ....

- **Viết một đoạn văn miêu tả (descriptive paragraph).**
- **Viết một đoạn văn mô tả quá trình (process paragraph).**
- **Viết một đoạn văn tự sự (narrative paragraph).**
- **Viết một đoạn văn nêu ý kiến (opinion paragraph).**

Viết sáng tạo còn có thể mở rộng sang sáng tác thơ ca, truyện ngắn, nhật ký, viết lời cho ca khúc... Giáo viên cần áp dụng phương pháp sáng tạo trong từng bước dạy, từng tiết dạy, từng bài dạy của mình.



# SÁNG TẠO TRONG THIẾT KẾ BÀI GIẢNG

**D**ạy học là một nghệ thuật, nhưng trước khi đạt đến nghệ thuật, giáo viên phải tinh thông các kỹ thuật giảng dạy. Chương này dành cho giáo viên nào có thể áp dụng thành thạo những kỹ thuật giảng dạy đã được trình bày ở những chương trước. Nghệ thuật đòi hỏi phải sáng tạo không ngừng. Giáo viên là nhà giáo dục, nhưng đồng thời cũng là một nghệ sĩ, do đó người giáo viên phải luôn sáng tạo trong giảng dạy. Rất khó để một giáo viên không có tinh thần sáng tạo trở thành một người sáng tạo. Tuy nhiên, bằng cách chia sẻ những kinh nghiệm sáng tạo, chúng ta có thể giúp nhau trong việc lựa chọn các hoạt động trong việc thiết kế bài giảng.

Người nghệ sĩ sáng tạo luôn để tâm đến tác phẩm kế tiếp vì họ thường không thỏa mãn với những tác phẩm trước đó. Tinh sáng tạo thường bắt nguồn từ sự không thỏa mãn với chất lượng của tác phẩm, và trong người nghệ sĩ luôn có nhu cầu cháy bỏng phải thay đổi nó. Thứ hai, tính sáng tạo đến từ tình yêu: khi bạn yêu một điều gì đó (hoặc một người nào đó) bạn có nhu cầu phải làm cho điều đó hoặc người đó trở nên tốt đẹp hơn. Chẳng hạn như trồng hoa trong vườn, trang trí nhà cửa, làm cho người yêu hạnh phúc hơn. Những hành động đó dường như chẳng liên quan gì đến việc giảng dạy, nhưng có đấy, bạn ạ. Người ta mang vào lớp học những điều mà họ yêu thích như trò chơi, âm nhạc, vẽ, tiểu thuyết, thơ ca...

Người ta có thể sáng tạo ở nhiều mức độ và lĩnh vực khác nhau. Ca sĩ sáng tạo ở giọng hát, cách thể hiện một ca khúc. Nhạc sĩ sáng tạo trong việc sử dụng hòa âm, tiết tấu, phối khí. Họa sĩ sáng tạo trong nghệ thuật sử dụng màu sắc, hình ảnh, bố cục. Nhà văn, nhà thơ sáng tạo trong ngôn ngữ, văn điệu. Đầu bếp sáng tạo khi chế biến thức ăn. Doanh nhân sáng tạo khi lên kế hoạch tiếp thị sản phẩm, kinh doanh. Và nhà giáo cũng có nhiều sáng tạo trong công tác giảng dạy. Vậy bạn sáng tạo ở lĩnh vực nào? Bạn có thể sáng tạo để cải thiện phương pháp giảng dạy được không? Những hoạt động nào trong sách giáo khoa bạn thấy mình có sự sáng tạo hơn những hoạt động khác?



Một số kỹ thuật sau đây sẽ giúp bạn phát triển tính sáng tạo trong giảng dạy, đặc biệt là lựa chọn và sử dụng các tác vụ trong thiết kế bài giảng. Những kỹ thuật này chỉ mang tính gợi ý, và sự áp dụng mang tính tương đối. Tất cả đòi hỏi một chút tưởng tượng, sự luyện tập, và trải nghiệm.

## 1. Làm ngược lại

Người nghệ sĩ sáng tạo không bao giờ đi theo lối mòn, không hải lòng với những quy tắc, khuôn mẫu cho sẵn. Tương tự như thế, người giáo viên sáng tạo luôn tìm tòi những phương pháp, cách tiếp cận, kỹ thuật mới lạ để làm cho bài giảng sinh động, hấp dẫn. Cùng một bài giảng, cùng một số tiết quy định, nhưng tùy vào hoàn cảnh, tùy vào môi trường lớp học và tình hình học sinh mà giáo viên có cách thể hiện riêng cho mỗi lớp. Từ những khuôn mẫu áp đặt trước, người giáo viên sáng tạo, biến tấu đôi chút hoặc làm ngược lại hoàn toàn để tránh đơn điệu và nhàm chán. Nói như thế không có nghĩa là giáo viên sáng tạo luôn làm những chuyện ngược đời, không giống ai, và dễ bị đồng nghiệp phê phán là "chơi trội".

Phương pháp sáng tạo "*làm ngược lại*" đòi hỏi người giáo viên phải suy tư sâu và tìm cách thử nghiệm, làm trái với những điều thông thường. Phương pháp "*làm ngược lại*" không phải lúc nào cũng dễ thực hiện, bởi vì nếu có một phương cách cụ thể và máy móc, áp dụng dễ dàng thì còn gì là sáng tạo.

### Bạn có thể làm ngược lại hoặc làm khác với những tác vụ sau đây không?

1. Nghe một bài khóa và điền vào bảng hoặc biểu đồ.
2. Đọc bài khóa và trả lời câu hỏi đọc hiểu.
3. Xem tranh hoạt hình và viết chú thích.
4. Đọc một đoạn đàm thoại và điền vào chỗ trống.
5. Người học được xem một tấm hình mô tả một vụ mưu sát với 4 bức chân dung. Học sinh nghe mỗi người nói và đoán xem ai là kẻ sát nhân (Học sinh được phát mỗi người một bức chân dung và phải ghi ra điều họ nói).
6. Học sinh được cho một bài khóa và hai cái tên để viết một đoạn đàm thoại.

**Ví dụ 1:** "*Nghe bài khóa và điền vào bảng hoặc biểu đồ*". Đây là hoạt động nghe rất thường thấy trong các sách giáo khoa tiếng Anh. Thao tác thông thường là giáo viên cho học sinh nghe một đoạn đàm thoại, sau đó yêu cầu người học điền vào bảng hoặc biểu đồ. Vậy trong trường hợp này bạn có thể làm khác đi một chút hoặc làm ngược lại hoàn toàn không? Nếu bạn đọc kỹ chương kỹ thuật dạy nghe, bạn sẽ thấy việc biến đổi, làm khác hoặc làm ngược với trình tự trong sách giáo khoa một cách đầy sáng tạo là chuyện nằm trong tầm tay.

**Ví dụ 2:** "*Đọc bài khóa và trả lời câu hỏi đọc hiểu*". Giảng bài khóa, yêu cầu người học trả lời câu hỏi đọc hiểu là bước dạy rất thông thường trong các sách giáo khoa. Bạn có thể làm khác với trình tự này được không? Nếu bạn đã đọc chương kỹ thuật dạy đọc thì việc này đối với bạn không khó. Chẳng hạn bạn chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm đọc một đoạn. Sau đó đại diện nhóm này sẽ qua nhóm kia phỏng vấn, tìm hiểu thông tin để trả lời các câu hỏi. Kế tiếp, các nhóm sẽ tập hợp lại để có một bài khóa hoàn chỉnh. Cuối cùng mỗi nhóm sẽ trả lời các câu hỏi của giáo viên. Nhóm nào có câu trả lời đúng nhiều nhất sẽ thắng cuộc và nhận phần thưởng của giáo viên.

## 2. Khuyến khích học sinh tưởng tượng thêm ngoài những chi tiết được cung cấp

Cho học sinh đọc một bài khóa hoặc xem một bức tranh chưa hoàn chỉnh và yêu cầu các em thêm chi tiết để hoàn thành và giải thích ý nghĩa của những chi tiết mới thêm vào. Đó có thể là một bức chân dung thiếu nét mặt, một câu chuyện thiếu đoạn kết bất ngờ, một bức tranh bị giấu bớt một số chi tiết, câu đối đáp của một phụ nữ với một câu phát biểu cho sẵn, ý nghĩ của một người đàn ông nhìn qua cửa sổ, hình một khung cửa hẹp bên cạnh một cánh cửa mở rộng hay một cái điện thoại nằm lăn lóc trên sàn.

Ví dụ:

Người học điền vào chỗ trống với ý tưởng của riêng mình.

Boy: Mom, why do women cry?

Woman: .....

Người học nghe một đoạn đàm thoại qua điện thoại và đoán chuyện gì đang xảy ra.

Ví dụ:

Man: Mary, I have to see you, now, at the station.

Woman: But John, Peter's here.

## 3. Cho học sinh lý do thú vị để thực hiện một tác vụ

Một số hoạt động mà giáo viên yêu cầu người học thực hiện tuy có mang tính giao tiếp nhưng rất nhàm chán vì người học không được khuyến khích, động viên để thực hiện. Ví dụ: Giáo viên yêu cầu học sinh gọi điện thoại đến khách sạn đặt phòng cho 2 du khách. Tác vụ này mang tính giao tiếp giữa người học và nhân viên tiếp tân, nhưng khá nhàm chán vì người học đặt phòng xong rồi thôi, không được bày tỏ ý kiến và lựa chọn của riêng mình. Giáo viên có thể yêu cầu người học



đăng ký chuyến du lịch miễn què cho 4 du khách nước ngoài. Trong trường hợp này, người học được tự do chọn công ty du lịch và tuyến điểm du lịch và phải giải thích cho sự lựa chọn của mình. Một ví dụ khác, học sinh nhìn một tấm ảnh và mô tả để học sinh cùng nhóm vẽ lại. Nếu chỉ có thể thì hoạt động giao tiếp thật nhàm chán. Trong trường hợp này giáo viên cho học sinh một lý do thú vị để mô tả bức ảnh đó và học sinh mô tả theo yêu cầu của các thành viên trong nhóm. Nhóm nào vẽ xong trước và giống với bức chân dung nhất sẽ thắng cuộc và nhận phần quà của giáo viên.

#### 4. Cho phép những yếu tố mới, thậm chí kỳ quặc vào hoạt động của bạn

**Ví dụ 1:** Bạn bước vào lớp và trước con mắt ngạc nhiên của học sinh bạn đưa ra một tấm áp phích phim *Transformer 5: The Last Knight*. Tấm áp phích của bộ phim nổi tiếng này sẽ thu hút học trò ngay từ phút đầu tiên. Học trò kinh ngạc không biết thấy / cô giáo sẽ làm gì. Thế là giao tiếp giữa giáo viên và học sinh bắt đầu. Giáo viên và học sinh sẽ trao đổi về nội dung, nhân vật, hình ảnh, âm thanh, âm nhạc, diễn xuất, kỹ xảo điện ảnh... Bạn cũng có thể yêu cầu học sinh kể lại nội dung phim, nêu lý do tại sao các em thích hoặc không thích bộ phim, cho học sinh hóa trang các nhân vật, sáng tạo đoạn đàm thoại giữa hai nhân vật trong phim và đóng vai hai nhân vật này, viết một đoạn quảng cáo cho phim.





**Ví dụ 2:** Bạn mang vào lớp một chai nước hoa Ck Eternity chẳng hạn và hỏi xem học sinh có thích nước hoa không, loại gì, hương gì, học sinh có nên xúc nước hoa không... Thế là tương tác giữa giáo viên và học sinh bắt đầu.



**Ví dụ 3:** Theo bạn thì học sinh không được mang gì vào lớp? Bạn có thể tạo một đoạn đàm thoại trong đó có nhắc đến những vật bị cấm mang vào lớp không? Bạn có thể thiết kế một tác vụ trong đó vật cấm mang vào lớp đóng một vai trò quan trọng không? Bạn có thể xem những câu hỏi này là bài tập trắc nghiệm tình sáng tạo của bạn.

### 5. Thử thách trí nhớ của người học

Học sinh làm việc theo cặp, một người làm cảnh sát, người kia làm nhân chứng. Giáo viên cho nhân chứng xem một bức ảnh của kẻ tội phạm trong 5 giây. Nhân chứng mô tả và cảnh sát nêu câu hỏi để vẽ hình kẻ tội phạm.



Chia lớp thành nhiều nhóm. Hiển thị một bức ảnh chi tiết cho mỗi nhóm trong 5 giây. Mỗi thành viên trong nhóm sẽ ghi lại càng nhiều chi tiết càng tốt và so sánh ghi chú của mình với các thành viên khác. Cuối cùng giáo viên cho các nhóm xem tấm ảnh một lần nữa để chọn chi tiết đúng. Nhóm nào có nhiều chi tiết đúng nhất sẽ thắng cuộc.

### 6. Kết hợp không bình thường - suy nghĩ ẩn dụ

Thực hiện kết hợp các hình ảnh và suy nghĩ mới lạ dù có bất thường đến mức nào. Aristotle xem phép ẩn dụ là dấu hiệu của thiên tài và tin rằng bất cứ ai có khả năng nhận ra sự giống nhau giữa hai lĩnh vực riêng biệt và liên kết chúng lại với nhau là một người có tài năng đặc biệt.



Do you see a musician or a girl's face?

Toán học có thể kết hợp với sinh học, tâm lý học kết hợp với ngôn ngữ học, nhiếp ảnh kết hợp với mỹ thuật... để tạo ra những ngành học mới. Bạn hãy suy nghĩ về những gì đã có sẵn trong lớp học ngoại ngữ như nhạc cổ điển và hội họa, nhiếp ảnh, máy tính, kịch, trò chơi, đồ ăn và đồ uống, phim ảnh, đồ chơi, phương tiện truyền thông, những người nổi tiếng... xem có thể kết hợp những lĩnh vực đó vào bài giảng của mình hay không.

Chọn ra hai thẻ hoặc hai hình ảnh và mời học sinh viết một câu, một đoạn hoặc một câu chuyện.

Cho học sinh những từ hoặc hình ảnh hoàn toàn không liên quan gì với nhau để kết nối.

Cho các nhóm cùng sáng tác một bài thơ chủ đề tự do. Mỗi người viết một dòng và phải vần với câu trước.

## 7. Diễn kịch câm

**Ví dụ 1:** Giáo viên đọc một câu chuyện và người học diễn lại bằng động tác chứng tỏ mình đã hiểu.

**Ví dụ 2:** Học sinh làm việc theo cặp. Một cặp sẽ dùng động tác để diễn một đoạn đàm thoại trước lớp. Cả lớp quan sát và sáng tạo nên đoạn đàm thoại. Cuối cùng, đôi bạn đó sẽ diễn lại với lời thoại và lớp kiểm tra xem đoạn đàm thoại của mình có đúng không.

## 8. Chia sẻ công việc

- Người học làm việc theo đôi bạn và chia sẻ công việc với nhau. Có thể lấy môn viết làm ví dụ.
- Trong quá trình trao đổi bài viết với bạn, mỗi người làm việc độc lập để đọc kỹ bài của bạn trong yên lặng chứ không trò chuyện, trao đổi. Khi nghiền ngẫm bài của bạn, họ có thể hình dung xem nếu họ thực hiện bài viết đó thì có thể biến tấu ra sao để phù hợp với ý thích của mình. Sau khi bổ sung được cách thể hiện mới, họ có thể quay lại trao đổi với bạn của mình. Thời gian lắng đọng như thế giúp mọi người sáng tạo tốt hơn và cũng dễ dàng có ý tưởng riêng, độc lập mà không bị ảnh hưởng lẫn nhau.
- Khi nhận được ý tưởng bổ sung của bạn, tác giả bài viết có thể phân tích xem bạn mình đã bổ sung điều gì, tại sao, và sự thay đổi đó tạo hiệu quả như thế nào. Đồng thời, khi chưa hiểu hết ý của bạn, ta có thể hỏi và trao đổi thêm để tìm ra nhiều phong cách thể hiện. Trong quá trình đó, người học có thể ghi chú những đặc điểm giúp bài viết thú vị hơn. Ví dụ: tìm một góc nhìn khác, làm ngược lại quá trình, tạo một bối cảnh mới... Khi học sinh chia sẻ điều này với lớp, cả lớp sẽ học được một chuỗi những yếu tố thú vị, có ảnh hưởng đến quá trình sáng tạo.

Một khía cạnh quan trọng của sự sáng tạo là tinh kiên nhẫn. Người giáo viên sáng tạo phải biết chấp nhận gian khổ, mỳ mò thử đi thử lại cho dù có thất bại. Hầu hết những nghệ sĩ tài ba, kể cả thiên tài, không chỉ tạo ra những tác phẩm tuyệt vời, mà trong quá trình sáng tạo họ tạo ra rồi chỉnh sửa, xóa bỏ nhiều lần để cuối cùng có được tác phẩm ưng ý nhất. Họ không sợ thất bại, không sợ sản sinh ra những tác phẩm tầm thường để cuối cùng tạo nên tác phẩm xuất sắc. Đây là tinh thần và cũng là nỗi gian nan mà người dẫn thân vào con đường sáng tạo phải chịu đựng để rèn luyện chính mình.

Người giáo viên cũng thế. Nghĩ ra một cách dạy mới lạ, độc đáo, khác thường chưa chắc đã thành công ngay lần áp dụng đầu tiên. Họ phải thử nghiệm, rồi làm đi làm lại cho đến khi đạt được hiệu quả mong muốn.

## Danh sách kiểm tra tính sáng tạo

Khi bạn phát triển một hoạt động cho học sinh, hãy sử dụng danh sách sau đây để bảo đảm rằng thiết kế của bạn là tuyệt vời. Hãy trả lời câu hỏi chính này: "*Tác vụ có thể cấu trúc lại để tạo thành một tác vụ mới được không?*" Sau đó bạn dùng những câu hỏi dưới đây để chỉnh sửa tác vụ của bạn.

- Có cách nào để "làm ngược lại" không?
- Bạn có muốn loại bỏ một số yếu tố để nhường chỗ cho trí tưởng tượng của học sinh?
- Có thể yêu cầu học sinh vẽ một điều gì đó không?
- Có thể yêu cầu học sinh thêm vào một điều gì đó không (một bài khóa, một bức tranh, một đoạn đàm thoại...)?
- Có cách nào để đưa vào một sự kết hợp bất thường hoặc một yếu tố kỳ lạ không?
- Tác vụ có tác động đến trí nhớ hoặc hành động của học sinh không?
- Tác vụ có cho phép người học sáng tạo không?
- Thêm dụng cụ trực quan như biểu đồ, tranh ảnh có làm cho tác vụ hoạt động tốt hơn không?
- Tác vụ này có khuyến khích người học thực hiện không?
- Bạn có thêm hoạt động kiểm tra nào để tác vụ trở nên thú vị hơn không?

## Để hoạt động trở nên hấp dẫn

- Cung cấp các hoạt động với nhiều lựa chọn để học sinh ở các lớp có kích thước, số chỗ ngồi và cơ sở vật chất khác nhau có thể thực hiện;
- Cung cấp các hoạt động với nhiều mức độ thách thức để người học với trình độ khác nhau có thể vận dụng khả năng của mình;
- Cung cấp các hoạt động giao tiếp phong phú;
- Cung cấp các văn bản đa dạng bao gồm không chỉ thông tin thực tế mà còn cả việc sử dụng tiểu thuyết viễn tưởng để tạo điều kiện cho cả kiến thức thực tế và trí tưởng tượng mới lạ;
- Chuẩn bị cho người học về thực hành ngôn ngữ trong thế giới thực;
- Cung cấp nội dung hữu ích và thích hợp với người học ở bất kỳ nước nào bằng cách đưa ra những lựa chọn về chủ đề cần phải thảo luận;

- Cung cấp nhiều cách kích thích phản ứng để người học với phong văn hóa khác nhau có thể tham gia với các nguồn thông tin rút ra từ cuộc sống, quan điểm, cảm xúc, kiến thức và kinh nghiệm của chính họ;
- Tổ chức cho người học thích ứng giữa tài liệu học tập với tính cách và phong cách học tập của họ, chẳng hạn như tính đến các học viên hay phân tích, người học thích vận động và những người học thích trải nghiệm và khám phá;
- Tránh quan điểm chủ quan có thể làm tổn thương niềm tin và giá trị của người học.



## THIẾT KẾ BÀI HỌC HIỆU QUẢ VÀ THÚ VỊ

### Tâm quan trọng của tính cách giáo viên

Nếu bạn là một người dễ mến, dễ gần, bạn rất có khả năng trở thành một giáo viên được học sinh yêu mến. Nếu bạn là người khó tính, khó chịu, bạn cũng có thể trở thành giáo viên khó chịu mà học sinh rất sợ hãi nhưng không thương mến. Như vậy, có phải tính cách của bạn như thế nào thì bạn sẽ mang đầy đủ tính cách đó khi là một giáo viên hay không? Vì vậy, điều đầu tiên mà bạn muốn tôi luyện bản thân trong công tác giảng dạy là phát triển một phong cách hấp dẫn, đầy cảm hứng. Nếu bạn là người thân thiện, vui tính, rộng lượng, hay giúp đỡ, thì bạn có thể trở thành một giáo viên được nhiều học sinh ưa thích.

Bạn có nhớ những thầy cô đã từng dạy mình không? Có thầy cô nào mà đến bây giờ bạn vẫn nhớ? Vậy những phẩm chất tốt đẹp nào của họ làm bạn nhớ nhất? Có những thầy, cô làm bạn nhớ bởi một vài phẩm chất độc đáo, như phương pháp dạy học độc đáo mà hiệu quả, rất tận tâm với học trò, rất nghiêm khắc, dạy rất vui, hát rất hay, đàn rất giỏi, đá banh rất điệu nghệ, hay kể chuyện khôi hài... Có phẩm chất nào nơi họ mà bạn muốn trở thành phẩm chất sư phạm của mình để học sinh nhớ bạn mãi? Có tính cách nào nơi họ mà bạn không muốn bắt chước không? Ví dụ, một cô giáo của chúng tôi không muốn học sinh nói mà phải lắng nghe cô nói. Trong khi đó, học sinh lớp cô thực sự muốn có cơ hội để thảo luận về bài học và chia sẻ quan điểm của họ. Cô giáo không biết điều này hay không quan tâm đến điều này, chỉ giảng bài thao thao bất tuyệt. Hãy tưởng tượng cuộc trò chuyện này giữa cô giáo và học sinh, đại khái như sau:



**Teacher**  
Why are you talking  
during my lesson?

**Student**  
Why are you teaching  
during my conversation?



Là giáo viên, trong trường hợp này bạn sẽ cư xử ra sao? Mỗi cá tính dẫn đến một phong cách giảng dạy khác nhau. Có người tích cực, thân thiện giúp đỡ. Người khác ít nhiệt tình hơn hoặc nghiêm khắc, lạnh lùng. Bạn cũng thế, có thể mạnh của mình mà không cần bắt buộc khuôn mẫu nào, bởi trong thực tế không có cá tính hoàn hảo. Vì nhận thấy rất ít sách dạy giáo viên tiếng Anh hướng đến việc truyền cảm hứng học tập, chúng tôi xin đề xuất vài đặc điểm quan trọng để tạo một nhân cách đáng quý.

## Xây dựng mối quan hệ

Điều đầu tiên cần ghi nhớ khi muốn trở thành một giáo viên bản lĩnh là quan tâm đến mối quan hệ tích cực với học sinh. Làm cho họ cảm thấy rằng bạn ở đó vì họ, rằng bạn sẵn sàng giúp đỡ và học hỏi lẫn nhau hơn là chỉ giảng dạy. Bạn phải xây dựng lòng tin nơi người học. Bạn làm gì để học sinh tin tưởng vào bạn? Có rất nhiều điều bạn có thể làm nhưng một vài điều cơ bản là: tử tế, ân cần, chu đáo, nhạy bén, hiểu biết, thông cảm, dễ tiếp cận, giúp đỡ, và thành thạo ngôn ngữ ngắn hoặc khôi hài.

Đừng khoe khoang hay nói quá nhiều về bản thân. Nói về những người bạn ngưỡng mộ nếu bạn muốn đưa ra một ví dụ điển hình. Nếu bạn muốn đưa ra một ví dụ xấu, hãy lấy bản thân bạn trong quá khứ làm ví dụ. Có can đảm để thừa nhận điểm yếu của bạn và chia sẻ cách bạn cải thiện, là một cách tuyệt vời để truyền cảm hứng cho học sinh. Nên nhớ rằng mỗi hành động tốt hằng ngày dù nhỏ bé sẽ giúp xây dựng một mối quan hệ tuyệt vời với lớp học. Một khi học sinh tin tưởng vào bạn, họ sẽ cố gắng hết sức để học hỏi với bạn.

## Sự cân bằng và chuyển động của một bài học

Bây giờ chúng ta nói đến một nền tảng quan trọng nhất của một bài học. Mỗi bài học cần có sự cân bằng và vận động. Hãy xem bài giảng của bạn như một chiếc xe đạp. Muốn có thăng bằng bạn phải đạp tiếp. Bài học cần phải có sự chuyển động để giữ cân bằng. Tại sao lại như thế?



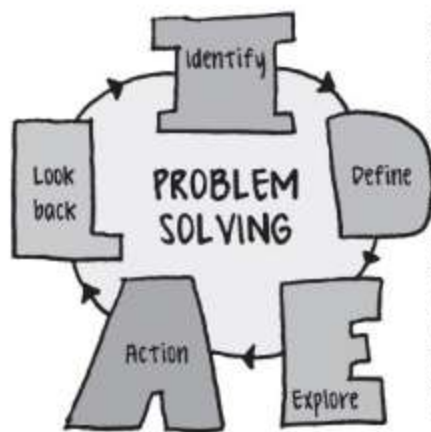
Có hai loại cân bằng trong mỗi bài học mà một giáo viên giỏi phải quan tâm trong thiết kế bài giảng của mình.

## Cân bằng giữa tác vụ và bài tập

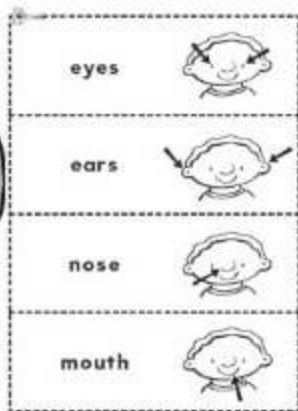
Tức là sự cân bằng giữa bài giao tiếp và bài luyện ngôn ngữ. Một bài học tuyệt vời mang lại tác động học tập tối ưu phải có cả hai loại hoạt động: tác vụ và bài tập. Nhiều bài học chỉ có phần bài tập, điều này làm cho việc học trở nên nhàm chán, mệt mỏi và không hiệu quả. Sự khác biệt giữa hai hoạt động này là gì?

- **Tác vụ:** Tư duy phê phán, ý nghĩa, quan điểm, thái độ, đánh giá và phân tích tình huống.
- **Bài tập:** Tập trung vào hình thức, phân tích hình thức, và tư duy nhận thức.

Nếu bạn cung cấp cho học sinh một tình huống có vấn đề để giải quyết, đó là tác vụ. Nếu bạn cho học sinh một số từ để ghi nhớ, đó là bài tập.



Task



Exercise

Hãy xem liệu bạn có thể phân biệt giữa hai loại hoạt động. Trả lời những câu hỏi sau đây:

**Task or exercise?**

1. Matching activity that includes 2 sets of vocabulary (clothes and occasions).
2. Matching activity that includes 2 sets of vocabulary (words and definition).
3. Matching a set of colorful pictures with a list of words.
4. Learners are given a list of ten words to write a story.
5. Learners are given a picture of a lady sitting alone in a café and asked to write her thoughts at the moment.
6. Learners are given a story and asked to replace the underlined words with synonyms.
7. Learners are given a story and asked to replace the underlined words with different words in a way that the story will become humorous.
8. Students listen to a story about a man and fill in a chart with factually information from that story (his name, his age, his occupation, marital status, number of children).

9. Students listen to a song and fill in the blank in the lyrics.
10. Before listening to a song, students are given the lyrics with blanks and asked to work with a partner to complete that song.
11. Learners are given a picture of a room and asked to write sentences describing where each item is.
12. Learners are given a picture of a room and asked to write sentences describing what happened so that each item comes to stay where it is.

**Answer key:**

- (1) Task, (2) exercise, (3) exercise, (4) task, (5) task, (6) exercise, (7) task, (8) exercise, (9) exercise, (10) task, (11) exercise, (12) task.

**Cân bằng giữa vận động thể chất và vận động tinh thần**

Các hoạt động vận động thể chất như đóng vai, trả lời các câu hỏi đơn giản, trò chơi, kể chuyện giai thoại cá nhân... tương đối dễ dàng và không đòi hỏi nhiều công sức.

Mặt khác, các hoạt động vận động tinh thần đòi hỏi người học phải sử dụng trí óc nhiều hơn, như sáng tác một bài thơ, giải quyết một vấn đề, phân ánh một kinh nghiệm, thi kể chuyện... Những hành động này mang tính thử thách, cần có thời gian, và có thể không tạo ra kết quả nhanh chóng.

Một bài học tốt nên bao gồm cả hai loại hoạt động này. Nếu hầu hết các hoạt động là vận động thể chất, học sinh có thể tham gia tốt và thích thú; nhưng họ không thể tiếp thu đầy đủ vì có thách thức và không có giao tiếp tập trung vào ý nghĩa (meaning - focused communication). Ngược lại, nếu hầu hết các hoạt động là vận động tinh thần, người học sẽ mệt mỏi vì bộ não của họ phải xử lý thông tin căng thẳng trong suốt 2 tiết học.



## Chuyển động của bài học

Sự chuyển động của một bài học có nghĩa là nửa đầu và nửa thứ hai của bài học không được giống nhau. Ví dụ, nếu phần đầu có vẻ hơi trịnh trọng, thì phần sau thoải mái và vui vẻ hơn. Dưới đây là 6 loại chuyển động trong một bài học mà giáo viên cần quan tâm.

- Từ ít thách thức đến nhiều thách thức
- Trải nghiệm từ quen thuộc đến không quen thuộc
- Phản hồi từ tập thể đến cá nhân
- Bài học chú trọng từ hình thức đến ý nghĩa
- Bài học chia sẻ từ cái chung cho đến cái riêng
- Giáo viên kiểm soát đến học sinh tự do phát biểu.

Dưới đây là một số giải thích.

- **Từ ít thách thức đến nhiều thách thức:** Mức độ thách thức trong bài học lúc đầu có thể dễ dàng nhưng độ khó tăng dần.
- **Trải nghiệm từ quen thuộc đến không quen thuộc:** Nội dung bài học lúc đầu có thể là về cuộc sống hàng ngày hoặc những trải nghiệm đơn giản mà học sinh đang thực hiện tốt và vào cuối bài học, học sinh được yêu cầu tưởng tượng một chút ngoài thực tế và những trải nghiệm thông thường. Ví dụ học sinh chia sẻ sở thích và khả năng của mình như sưu tập tem, luyện tập võ thuật... từ đó xây dựng nên những câu chuyện như sưu tập thú hoang cho vườn thú, vận dụng các chiêu thức võ thuật để cứu gấu trúc khỏi thợ săn.
- **Phản hồi từ tập thể đến cá nhân:** Lớp học thảo luận về các sự kiện và thông tin tổng quát như lịch sử máy tính, thủ đô của Úc... Sau đó, học sinh chia sẻ quan điểm riêng của mình, chẳng hạn như những chức năng mới nên được thêm vào một máy tính ngày nay, thủ đô của Úc nên di chuyển đến đâu.
- **Bài học chú trọng từ hình thức đến ý nghĩa:** Bài học lúc đầu tập trung vào từ vựng mới và cấu trúc câu mới; sau đó bài học chuyển sang sử dụng các từ và mẫu câu đó trong giao tiếp, truyện đạt ý tưởng của học sinh.
- **Bài học chia sẻ từ cái chung đến cái riêng:** Bài học lúc đầu chia sẻ cùng một câu trả lời cho các câu hỏi hoặc đọc hiểu, ví dụ thành phố thủ đô của Úc là Canberra (mọi người đều có cùng câu trả lời hoặc phản hồi); nhưng sau đó

học sinh được yêu cầu đưa ra phản hồi cá nhân khác nhau, đặc biệt là quan điểm cá nhân hoặc cảm giác, ví dụ một học sinh nào đó có thể sẽ nói họ thích Melbourne là thủ đô vì nó đã được bình chọn là thành phố dễ sống nhất ở Úc.

- **Giáo viên kiểm soát đến học sinh tự do phát biểu:** Lúc đầu giáo viên có thể yêu cầu người học nói những điều đã được giáo viên lên kế hoạch trước, như: cung cấp hình thức quá khứ của một số động từ bất quy tắc, đặt câu để minh họa cho các cấu trúc thông dụng, đặt câu để minh họa cấu trúc "I cannot help feeling sad"; nhưng sau đó học sinh được tự do tạo ra những bài nói nhiều ý nghĩa hơn, chẳng hạn như nói về những biến cố trong quá khứ của họ, bày tỏ mong muốn, chia sẻ ước mơ mà họ mong muốn trở thành hiện thực.

## Nguồn của giáo viên và sự chuẩn bị của học sinh

- Mỗi bài học phải có một GIÁO ÁN rõ ràng về những điều phải dạy, phải làm gì, làm thế nào để học hỏi và đạt được.
- Giáo viên cần chuẩn bị NGUỒN phong phú như flashcards, hình ảnh, trò chơi, âm nhạc, video clips...
- Để có hiệu quả học tập tốt nhất, tài liệu học tập với những hướng dẫn cụ thể nên phát trước cho học sinh để họ có thể CHUẨN BỊ câu trả lời nhằm khai thác tối đa bài học.



- 😊😊 love
- 😊 like
- 😐 don't mind
- 😞 don't like
- 😡 hate

+ noun / verb-ing

I love cookies / I love eating cookies

Các ví dụ về nguồn có thể được cung cấp trước hoặc trong bài học.



## Những điều cần tránh khi dạy

### Dẫn nhập kém

- Bài học bắt đầu đột ngột mà không có sự giới thiệu rõ ràng.

### Các vấn đề về chiến lược

- Mục tiêu giảng dạy quá chung chung. Không bao gồm ngôn ngữ mục tiêu (từ vựng, cấu trúc, ví dụ).
- Bài học yêu cầu thảo luận hoặc tương tác nhưng giáo viên không dạy trước những từ có liên quan tới tác vụ đó.
- Hướng dẫn không rõ ràng và khó thực hiện.
- Nhiệm vụ có thể gây ra khó khăn cho người học mà không có các chiến lược dự phòng để giúp học sinh vượt qua.

### Tác động xấu

- Ngữ pháp và từ vựng có vẻ quá trừu tượng (giảng dạy hình thức quá nhiều nhưng không có ví dụ về cách dùng từ và không có thực hành giao tiếp).
- Nội dung khô khan, đơn điệu và khó làm người học thích thú.
- Cùng một khuôn mẫu cho cả bài học.
- Thực hiện một loại hoạt động quá nhiều.

### Khó học

- Không có hình ảnh hoặc hình ảnh nghèo nàn (chỉ tiết kiệm, thiếu hành động...) với rất ít chi tiết cho học sinh nói.
- Yêu cầu quá đáng đối với sự thể hiện của học sinh mà không có sự trợ giúp của giáo viên.
- Hoạt động phát triển các kỹ năng chính là quá ngắn hoặc tổ chức kém.

### Thiếu cơ hội cho học sinh sáng tạo

- Người học không được tạo điều kiện để tận dụng nguồn lực của chính mình (quan điểm, tư duy của họ).

### Bài học rời rạc

- Các giai đoạn giảng dạy bị ngắt kết nối với nhau. Sự chuyển tiếp giữa các tác vụ không lưu loát và không tự nhiên.

- Trình tự của bài học là vô lý bởi vì nó không có sự cân bằng và chuyển động đã được bàn đến trong chương này.
- Các câu hỏi không theo một trật tự logic (như từ ý nghĩa chung đến các chi tiết cụ thể, từ nội dung văn bản cho đến ý tưởng riêng của người học).

### Chất lượng ngôn ngữ

- Bài khóa không được viết bằng tiếng Anh tiêu chuẩn.
- Tác vụ không cho thấy dấu hiệu giao tiếp trong thế giới thực.
- Các câu hỏi và ví dụ rời rạc, không có ngữ cảnh.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chin, P. & Koizumi, Y. (2012). *Academic Writing Skills 1*. England: Cambridge University Press.
2. Harmer, J. (2012). *The Practice of English Language Teaching Fourth Edition*. England: Pearson.
3. Hartley, B. & Viney, P. (1993). *Streamline English Departures*. England: OUP.
4. Koenig, C. L. & Oxenden, C. (2014). *American English File 4 Second Edition*. England: OUP.
5. Mortimer, C. (1985). *Elements of Pronunciation*. England: Cambridge University Press.
6. Murphy, R. (2004). *English Grammar in Use Intermediate Third Edition*. CUP.
7. Nakata, R. (2007). *Let's Go Student Book 1 Third Edition*. England: Oxford University Press.
8. Nakata, R. (2007). *Let's Go Student Book 3 Third Edition*. England: Oxford University Press.
9. Nguyễn Mạnh Thảo (2010). *The Causes of Learner Communication Apprehension*. MTESOL Assignment for "Research Methods" Unit AEM6100. Victoria University, Australia.
10. Nguyễn Mạnh Thảo (2015). *Cẩm nang ngữ pháp tiếng Anh thực hành*. Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
11. Nguyễn Mạnh Thảo (2015). *Để viết một đoạn văn tiếng Anh hiệu quả*. Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
12. Nguyễn Văn Lợi và cộng sự (2017). *Tiếng Anh 7, Tài bản lần thứ 14*. Nxb. Giáo dục Việt Nam.
13. Nguyễn Văn Lợi và cộng sự (2017). *Tiếng Anh 9, Tài bản lần thứ 14*. Nxb. Giáo dục Việt Nam.
14. Oshima, A. & Hogue, A. (1982). *Writing Academic English Third Edition*. England: Longman.
15. Savage, A. & Shafiei. (2012). *Effective Academic Writing 1 Second Edition*. England: OUP.
16. Smalley, L.R. & Ruetten, K.M. (1986). *Refining Composition Skills*. New York: Macmillan Publishing Co. Inc.
17. Soars, J. & Soars, L. (2009). *American Headway 2*. England: Oxford University Press.
18. Tri thức Việt & Lancashire, D. (2008). *Nói một mạch bằng tiếng Anh trong giao tiếp thường ngày - One Breath English*. Nxb. Thanh Niên.



TS. BẢO ĐẠT

Là giảng viên TESOL và nhà nghiên cứu giáo dục, anh đã tham gia giảng dạy ở Đại học Thủ Đức Một - Bình Dương, Đại học Mở TP. HCM, Đại học Monash Melbourne. Anh là tác giả gần 50 công trình khoa học về giáo dục, trong đó có những cuốn sách như: *Understanding silence and reticence: Ways of participating in second language acquisition* (Bloomsbury, UK, 2014), *Poetry for education: Classroom ideas that inspire creative thinking* (Xlibris, USA, 2017), *Creativity and innovations in ELT materials development: Looking beyond the current design* (Multilingual Matters, UK, 2018). Ngoài học thuật, anh thích làm thơ và vẽ tranh để luôn mỉm cười với cuộc sống.



TS. NGUYỄN MẠNH THẢO

Là nhà nghiên cứu sư phạm tiếng Anh và nhà biên phiên dịch nhiều kinh nghiệm, anh là tác giả của hơn 20 công trình biên dịch và 5 sách giáo khoa bao gồm: *Thực hành biên dịch lưu loát và sáng tạo* (Nxb. Trẻ, 2015), *Cẩm nang ngữ pháp tiếng Anh thực hành*, *Để viết một đoạn văn tiếng Anh hiệu quả* (Nxb. Tổng hợp TP. HCM, 2015), *Anh ngữ Phật học giản dị*, *Anh ngữ thiền học* (Nxb. Tổng hợp TP. HCM, 2017)...

Anh đã tham gia giảng dạy tại nhiều cơ quan và trường đại học, như Hội trí thức yêu nước, Đại học Bách Khoa, Đại học Mở TP. HCM, Đại học Công nghệ TP. HCM. Ngoài thời gian giảng dạy và nghiên cứu, anh còn dành thời gian viết blog về thiền và triết học. Anh chơi guitar cổ điển và sáng tác ca khúc như một sở thích.

